

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 986 /QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày 06 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống cơ quan hành chính nhà nước thuộc chức năng quản lý của Sở Tài chính tỉnh Bắc Ninh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 1073/QĐ-UBND ngày 27/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 70/TTr-STC.VP ngày 29/5/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 40 thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống cơ quan hành chính nhà nước thuộc chức năng quản lý của Sở Tài chính tỉnh Bắc Ninh.

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

Điều 2. Sở Tài chính có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan công khai nội dung thủ tục hành chính theo nội dung công bố tại Quyết định này trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh và Trang Thông tin điện tử của đơn vị.

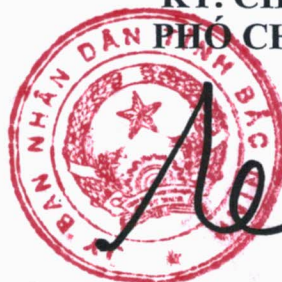
Thời hạn hoàn thành chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành Quyết định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận: 

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC (VP Chính phủ);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: CVP; các PCVP;
- Chuyên viên KTTH; Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, NC.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đào Quang Khải

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ TRONG HỆ THỐNG CƠ
QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC THUỘC VI QUẢN LÝ CỦA
SỞ TÀI CHÍNH TỈNH BẮC NINH**

(Kèm theo Quyết định số: 986 QĐ-UBND ngày 06 / 6 /2025
của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)

I. DANH MỤC

STT	Tên thủ tục	Văn bản quy định thủ tục	Cơ quan thực hiện
1.	Xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn của địa phương	- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 65/2025/QH15 ngày 19 tháng 2 năm 2025; - Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024; - Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật số 56/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội. - Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công	UBND tỉnh; Sở Tài chính; cơ quan, đơn vị có liên quan, UBND cấp dưới, các chủ đầu tư
2.	Xây dựng kế hoạch đầu tư công hằng năm của địa phương.	- Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015; - Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024; - Nghị định 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn.	Sở Tài chính, HĐND/UBND tỉnh
3.	Đề nghị điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn Ngân sách Trung ương	- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 65/2025/QH15 ngày 19 tháng 2 năm 2025; - Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024; - Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật số 56/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội. - Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công	UBND tỉnh; Sở Tài chính; cơ quan, đơn vị có liên quan, UBND cấp dưới, các chủ đầu tư
4.	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn Ngân sách địa phương	- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 65/2025/QH15 ngày 19 tháng 2 năm 2025; - Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024; - Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13	UBND tỉnh; Sở Tài chính; cơ quan, đơn vị có liên quan, UBND cấp

STT	Tên thủ tục	Văn bản quy định thủ tục	Cơ quan thực hiện
		ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật số 56/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội. - Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công	dưới, các chủ đầu tư
5.	Quyết định/ Điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công nhóm A thuộc thẩm quyền của HĐND cấp tỉnh.	- Luật Đầu tư công năm 2024; - Luật Xây dựng năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; - Quyết định số 11/2021/QĐ-UBND ngày 19/5/2021 của UBND tỉnh Ban hành Quy định về quản lý đầu tư công trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; Quyết định số 06/2024/QĐ-UBND ngày 28/02/2024 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về quản lý đầu tư công trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh ban hành kèm theo Quyết định số 11/2021/QĐ-UBND ngày 19/5/2021 của UBND tỉnh Bắc Ninh; - Quyết định số 482/QĐ-UBND ngày 18/3/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thành lập Hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư và giao cơ quan thẩm định chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công do Hội đồng nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư.	Hội đồng Thẩm định cấp tỉnh; UBND tỉnh; Sở Tài chính;
6.	Quyết định/ Điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công nhóm B, nhóm C do địa phương quản lý.	- Luật Đầu tư công năm 2024; - Luật Xây dựng năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; - Quyết định số 11/2021/QĐ-UBND ngày 19/5/2021 của UBND tỉnh Ban hành Quy định về quản lý đầu tư công trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; Quyết định số 06/2024/QĐ-UBND ngày 28/02/2024 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về quản lý đầu tư công trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh ban hành kèm theo Quyết định số 11/2021/QĐ-UBND ngày 19/5/2021 của UBND tỉnh Bắc Ninh; - Quyết định số 482/QĐ-UBND ngày 18/3/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thành lập Hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư và giao cơ quan thẩm định chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công do Hội đồng nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư.	Hội đồng Thẩm định cấp tỉnh; UBND tỉnh; Sở Tài chính;

STT	Tên thủ tục	Văn bản quy định thủ tục	Cơ quan thực hiện
		tư.	
7.	Quyết định đầu tư dự án đầu tư công nhóm C (có tổng mức đầu tư dưới 15 tỷ đồng)	- Luật Đầu tư công năm 2024; - Luật Xây dựng năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Các Nghị định của Chính phủ: 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021; số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023; số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025; - Các Quyết định của UBND tỉnh: số 11/2021/QĐ-UBND ngày 19/5/2021 ban hành Quy định về quản lý đầu tư công trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; số 11/2024/QĐ-UBND ngày 04/5/2024 về việc ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; số 06/2024/QĐ-UBND ngày 28/02/2024 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về quản lý đầu tư công trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.	Sở Tài chính; UBND tỉnh;
8.	Quyết định điều chỉnh dự án đầu tư công nhóm C (có tổng mức đầu tư dưới 15 tỷ đồng)	- Luật Đầu tư công năm 2024; - Luật Xây dựng năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Các Nghị định của Chính phủ: 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021; số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023; số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025; - Các Quyết định của UBND tỉnh: số 11/2021/QĐ-UBND ngày 19/5/2021 ban hành Quy định về quản lý đầu tư công trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; số 11/2024/QĐ-UBND ngày 04/5/2024 về việc ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; số 06/2024/QĐ-UBND ngày 28/02/2024 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về quản lý đầu tư công trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.	Sở Tài chính; UBND tỉnh;
9.	Lập quy hoạch tỉnh.	- Luật Quy hoạch; - Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch.	Sở Tài chính; UBND tỉnh;
10.	Đề nghị điều chỉnh quy hoạch tỉnh.	- Luật Quy hoạch; - Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch.	Sở Tài chính; UBND tỉnh;

STT	Tên thủ tục	Văn bản quy định thủ tục	Cơ quan thực hiện
11.	Cung cấp thông tin quy hoạch tỉnh.	- Luật Quy hoạch; - Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch.	Sở Tài chính; UBND tỉnh;
12.	Thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP do cơ quan có thẩm quyền lập (cấp tỉnh).	- Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; - Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành <u>Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư</u>; - Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ Quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư; - Thông tư số 09/2021/TT-BKHĐT ngày 16/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư và dự án đầu tư có sử dụng đất; - Thông tư số 10/2022/TT-BKHĐT ngày 15/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin và lựa chọn nhà đầu tư trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.	Sở Tài chính; UBND tỉnh;
13.	Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định phê duyệt dự án PPP do cơ quan có thẩm quyền lập (cấp tỉnh).	- Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; - Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành <u>Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư</u>; - Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ Quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư; - Thông tư số 09/2021/TT-BKHĐT ngày 16/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư và dự án đầu tư có sử dụng đất; - Thông tư số 10/2022/TT-BKHĐT ngày 15/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin và lựa chọn nhà đầu tư trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.	Sở Tài chính; UBND tỉnh;
14.	Thẩm định nội dung điều chỉnh chủ trương đầu tư, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án PPP do cơ quan có thẩm quyền lập (cấp tỉnh).	- Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; - Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành <u>Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư</u>; - Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ Quy định về trình tự, thủ tục	Sở Tài chính; UBND tỉnh;

STT	Tên thủ tục	Văn bản quy định thủ tục	Cơ quan thực hiện
		thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư; - Thông tư số 09/2021/TT-BKHĐT ngày 16/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư và dự án đầu tư có sử dụng đất; - Thông tư số 10/2022/TT-BKHĐT ngày 15/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin và lựa chọn nhà đầu tư trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.	
15.	Thẩm định nội dung điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định phê duyệt điều chỉnh dự án PPP do cơ quan có thẩm quyền lập (cấp tỉnh).	- Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; - Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành <u>Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư</u> ; - Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ Quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư; - Thông tư số 09/2021/TT-BKHĐT ngày 16/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư và dự án đầu tư có sử dụng đất; - Thông tư số 10/2022/TT-BKHĐT ngày 15/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin và lựa chọn nhà đầu tư trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.	Sở Tài chính; UBND tỉnh;
16.	Quyết định đầu tư/ điều chỉnh chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản (Đối với chương trình đầu tư công do Hội đồng nhân dân quyết định chủ trương đầu tư).	- Luật Đầu tư công; - Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài; - Nghị định số 20/2023/NĐ-CP ngày 04/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 114/2021/NĐ-CP.	Sở Tài chính; UBND tỉnh;
17.	Quyết định, phê duyệt văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án (bao gồm dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi	- Luật Đầu tư công; - Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài; - Nghị định số 20/2023/NĐ-CP ngày 04/5/2023	Sở Tài chính; UBND tỉnh;

STT	Tên thủ tục	Văn bản quy định thủ tục	Cơ quan thực hiện
	để chuẩn bị dự án đầu tư) đối với dự án hỗ trợ kỹ thuật chuẩn bị dự án đầu tư do địa phương quản lý.	của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 114/2021/NĐ-CP.	
18.	Phê duyệt Kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng.	- Luật Đầu tư công; - Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài; - Nghị định số 20/2023/NĐ-CP ngày 04/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 114/2021/NĐ-CP.	Sở Tài chính; UBND tỉnh;
19.	Kế hoạch thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng hằng năm.	- Luật Đầu tư công; - Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài; - Nghị định số 20/2023/NĐ-CP ngày 04/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 114/2021/NĐ-CP.	Sở Tài chính; UBND tỉnh;
20.	Quyết định chủ trương đầu tư các dự án đầu tư nhóm B, nhóm C sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài.	- Luật Đầu tư công; - Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài; - Nghị định số 20/2023/NĐ-CP ngày 04/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 114/2021/NĐ-CP.	Sở Tài chính; UBND tỉnh;
21.	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt/điều chỉnh, sửa đổi văn kiện khoản viện trợ là chương trình, dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp tỉnh.	Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam.	Sở Tài chính; UBND tỉnh;
22.	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt/điều chỉnh, sửa đổi văn kiện khoản viện trợ là chương trình, dự án đầu tư sử dụng viện	- Luật Đầu tư công; - Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam.	Sở Tài chính; UBND tỉnh;

STT	Tên thủ tục	Văn bản quy định thủ tục	Cơ quan thực hiện
	trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp tỉnh.		
23.	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt/điều chỉnh, sửa đổi văn kiện khoản viện trợ phi dự án sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp tỉnh.	- Luật Đầu tư công; - Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam.	Sở Tài chính; UBND tỉnh;
24.	Quyết định và công bố giá trị doanh nghiệp khi chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.	- Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần; - Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần; Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp; - Nghị định 148/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ về quản lý sử dụng nguồn thu từ chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, nguồn thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước và chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại doanh nghiệp	Sở Tài chính, UBND tỉnh

STT	Tên thủ tục	Văn bản quy định thủ tục	Cơ quan thực hiện
		- Thông tư 46/2021/TT-BTC ngày 23/6/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần.	
25.	Phê duyệt phương án cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh.	- Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần; - Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần; - Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp; - Nghị định 148/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ về quản lý sử dụng nguồn thu từ chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, nguồn thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước và chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại doanh nghiệp - Thông tư 46/2021/TT-BTC ngày 23/6/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần.	Sở Tài chính, UBND tỉnh
26.	Thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt đối với trường hợp quy định tại các điểm d, đ, e, g và h khoản 1	- Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023; Luật sửa đổi Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu (Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024); - Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và	Sở Tài chính, UBND tỉnh, Chủ đầu tư, cơ quan đơn vị liên quan

STT	Tên thủ tục	Văn bản quy định thủ tục	Cơ quan thực hiện
	Điều 29 của Luật Đấu thầu.	biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; - Nghị định số 17/2025/NĐ-CP ngày 06/02/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu.	
27.	Ban hành quyết định cấm tham gia hoạt động đấu thầu trong phạm vi quản lý của địa phương.	- Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023; Luật sửa đổi Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu (Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024); - Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; - Nghị định số 17/2025/NĐ-CP ngày 06/02/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu;	UBND tỉnh, sở, ngành liên quan
28.	Thẩm định và phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu cho dự án.	- Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023; Luật sửa đổi Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu (Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024); - Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; - Nghị định số 17/2025/NĐ-CP ngày 06/02/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu;	Sở Tài chính, UBND tỉnh, Chủ đầu tư, cơ quan đơn vị liên quan
29.	Thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu.	- Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023; Luật sửa đổi Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu (Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024); - Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; - Nghị định số 17/2025/NĐ-CP ngày 06/02/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu;	Sở Tài chính, UBND tỉnh, Chủ đầu tư, cơ quan đơn vị liên quan

STT	Tên thủ tục	Văn bản quy định thủ tục	Cơ quan thực hiện
30.	Lựa chọn danh sách ngắn	- Luật Đấu thầu ngày 23/6/2023. - Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu. - Thông tư số 22/2024/TT-BKHĐT ngày 17/11/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. - Thông tư 23/2024/TT-BKHĐT ngày 31/12/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết mẫu hồ sơ yêu cầu, báo cáo đánh giá, báo cáo thẩm định, kiểm tra, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu.	Chủ đầu tư và các đơn vị được Chủ đầu tư giao nhiệm vụ
31.	Thẩm định, phê duyệt hồ sơ mời thầu.	- Luật Đấu thầu ngày 23/6/2023. - Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu. - Thông tư số 22/2024/TT-BKHĐT ngày 17/11/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. - Thông tư 23/2024/TT-BKHĐT ngày 31/12/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết mẫu hồ sơ yêu cầu, báo cáo đánh giá, báo cáo thẩm định, kiểm tra, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu.	Chủ đầu tư và các đơn vị được Chủ đầu tư giao nhiệm vụ
32.	Thẩm định, phê duyệt hồ sơ mời thầu (trong lựa chọn nhà đầu tư)	- Luật Đấu thầu ngày 23/6/2023. - Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu. - Thông tư số 22/2024/TT-BKHĐT ngày 17/11/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. - Thông tư 23/2024/TT-BKHĐT ngày 31/12/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết mẫu hồ sơ yêu cầu, báo cáo đánh giá, báo cáo thẩm định, kiểm tra, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu.	Chủ đầu tư và các đơn vị được Chủ đầu tư giao nhiệm vụ

STT	Tên thủ tục	Văn bản quy định thủ tục	Cơ quan thực hiện
33.	Lập, phê duyệt bảng theo dõi tiến độ thực hiện các hoạt động lựa chọn nhà đầu tư	- Luật Đấu thầu ngày 23/6/2023. - Nghị định số 23/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực; - Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành	Chủ tịch UBND tỉnh và cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh
34.	Thẩm định, phê duyệt hồ sơ mời thầu (trong lựa chọn nhà đầu tư)	- Luật Đấu thầu ngày 23/6/2023. - Nghị định số 23/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực; - Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành	Đơn vị được người đứng đầu cơ quan chuyên môn, cơ quan trực thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện giao nhiệm vụ; người đứng đầu cơ quan chuyên môn, cơ quan trực thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện
35.	Lựa chọn danh sách ngăn đối với đấu thầu hạn chế (trong lựa chọn nhà đầu tư).	- Luật Đấu thầu ngày 23/6/2023. - Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất.	Chủ đầu tư và các đơn vị được Chủ đầu tư giao nhiệm vụ
36.	Phê duyệt danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật.	- Luật Đấu thầu ngày 23/6/2023. - Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất.	Chủ đầu tư và các đơn vị được Chủ đầu tư giao nhiệm vụ
37.	Lập, phê duyệt hồ sơ mời quan tâm.	- Luật Đấu thầu ngày 23/6/2023. - Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất.	Chủ tịch UBND tỉnh; Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan
38.	Trình, phê duyệt và công khai kết quả mời quan tâm.	- Luật Đấu thầu ngày 23/6/2023. - Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất.	Chủ tịch UBND tỉnh, Bên mời thầu; Bên mời quan tâm và các đơn vị

STT	Tên thủ tục	Văn bản quy định thủ tục	Cơ quan thực hiện
		dụng đất.	vị có liên quan
39.	Giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách.	Luật Ngân sách nhà nước; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước; Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ ban hành quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm; Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.	Sở Tài chính; Văn phòng UBND tỉnh; UBND tỉnh
40.	Xét duyệt, thẩm định và thông báo kết quả xét duyệt quyết toán năm.	+ Luật Ngân sách Nhà nước; + Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; + Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017 của Bộ Tài chính quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm. + Nghị quyết số 53/2017/NQ-HĐND ngày 12/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh về việc quy định thời hạn phê chuẩn báo cáo quyết toán ngân sách, biểu mẫu và thời gian gửi báo cáo ngân sách. + Quyết định số 21/2017/QĐ-UBND ngày 09/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh về Ban hành Quy định một số nội dung theo quy định tại Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.	UBND các cấp; Cơ quan tài chính các cấp; Đơn vị dự toán cấp I.

II. NỘI DUNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Thủ tục: Xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn của địa phương

1	Tên TTHC	Xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn của địa phương
2	Lĩnh vực	Đầu tư công
3	Văn bản quy định	- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 65/2025/QH15 ngày 19 tháng 2 năm 2025; - Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024; - Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật số 56/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội. - Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công
4	Trình tự thực hiện	Bước 1: Căn cứ quy định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn sau, UBND tỉnh: - Hướng dẫn cho các cơ quan, đơn vị ở địa phương lập nhu cầu kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau; - Giao cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công cấp tỉnh tổng hợp nhu cầu kế hoạch đầu tư công trung hạn cấp tỉnh giai đoạn sau chi tiết theo từng nguồn vốn, mức vốn cho từng chương trình, nhiệm vụ, dự án và đối tượng đầu tư công khác, trình UBND cấp tỉnh để trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh cho ý kiến về nhu cầu kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau; - Tổng hợp nhu cầu kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau của cấp tỉnh, huyện, xã chi tiết theo từng nguồn vốn, mức vốn cho từng chương trình, nhiệm vụ, dự án và đối tượng đầu tư công khác, gửi Bộ Tài chính theo tiến độ theo quy định của Thủ tướng Chính phủ. Bước 2: Trên cơ sở dự kiến khả năng cân đối ngân sách nhà nước cho chi đầu tư công trong giai đoạn sau đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, UBND tỉnh: - Thông báo dự kiến khả năng cân đối ngân sách nhà nước cho chi đầu tư công trong giai đoạn sau cho từng cơ quan, đơn vị trực thuộc và Ủy ban nhân dân các cấp làm cơ sở để lập dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau; - Giao cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công cấp tỉnh tổng hợp dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn cấp tỉnh giai đoạn sau chi tiết theo từng nguồn vốn, mức vốn cho từng chương trình, nhiệm vụ, dự án và đối tượng đầu tư công khác, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh cho ý kiến trước 31 tháng 7 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước; - Giao Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã tổ chức lập dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau của cấp mình, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp cho ý kiến trước ngày 31 tháng 7 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước và hoàn thiện, gửi Ủy ban nhân dân cấp trên theo quy định; - Tổng hợp dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau của cấp tỉnh, huyện, xã chi tiết theo từng nguồn vốn, mức vốn cho từng chương trình, nhiệm vụ, dự án và đối tượng đầu tư công khác và các nội dung theo quy định tại Điều 52 Luật Đầu tư công, gửi Bộ Tài

		chính trước ngày 30 tháng 8 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn. Bước 3: Trên cơ sở ý kiến của Quốc hội tại kỳ họp cuối năm của năm thứ năm nhiệm kỳ Quốc hội, UBND tỉnh: - Giao cơ quan, đơn vị trực thuộc hoàn thiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau, gửi cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công cấp tỉnh tổng hợp kế hoạch đầu tư công trung hạn cấp tỉnh giai đoạn sau chi tiết theo từng nguồn vốn, mức vốn cho từng chương trình, nhiệm vụ, dự án và đối tượng đầu tư công khác, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt trước ngày 10 tháng 3 năm thứ nhất của kế hoạch đầu tư công trung hạn; - Giao Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã hoàn thiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau của cấp mình, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp phê duyệt trước ngày 10 tháng 3 năm thứ nhất của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau và gửi Ủy ban nhân dân cấp trên theo quy định; - Tổng hợp kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau của cấp tỉnh, huyện, xã chi tiết theo từng nguồn vốn, mức vốn cho từng chương trình, nhiệm vụ, dự án và đối tượng đầu tư công khác và các nội dung theo quy định tại Điều 52 Luật Đầu tư công, gửi Bộ Tài chính theo tiến độ theo quy định của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính. Bước 4: Căn cứ Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn mới, Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức hướng dẫn các sở, ban, ngành, UBND cấp dưới, chủ đầu tư hoàn thiện báo cáo kế hoạch đầu tư công trung hạn của đơn vị, gửi cơ quan quản lý đầu tư tổng hợp, báo cáo để trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định kế hoạch đầu tư công trung hạn của địa phương, gửi báo cáo cho Bộ Tài chính để tổng hợp, báo cáo Chính phủ.
5	Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua phần mềm Quản lý văn bản và Điều hành tỉnh Bắc Ninh, tổ chức họp UBND tỉnh, HĐND tỉnh.
6	Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: a) Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung hạn b) Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung hạn. c) Tài liệu khác (nếu có). 2. Số lượng hồ sơ: đảm bảo đầy đủ số lượng để gửi xin ý kiến Hội đồng nhân dân tỉnh.
7	Thời hạn giải quyết	- Thời gian thực hiện Bước 1: Báo cáo Bộ Tài chính theo tiến độ theo quy định của Thủ tướng Chính phủ. - Thời gian thực hiện Bước 2: Báo cáo Bộ Tài chính trước ngày 30 tháng 8 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước. - Thời gian thực hiện Bước 3: Báo cáo theo tiến độ theo quy định của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính. - Thời gian thực hiện Bước 4: Báo cáo theo tiến độ theo quy định của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính.
8	Đối tượng thực hiện	UBND tỉnh; Sở Tài chính; cơ quan, đơn vị có liên quan, UBND cấp dưới, các chủ đầu tư

9	Cơ quan trực tiếp thực hiện	Sở Tài chính
10	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	HĐND tỉnh Bắc Ninh
11	Kết quả thực hiện	Nghị quyết của HĐND tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung hạn tỉnh Bắc Ninh
12	Phí, lệ phí	Không quy định
13	Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Không quy định
14	Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Các cơ quan, đơn vị, UBND cấp dưới, chủ đầu tư thực hiện báo cáo kế hoạch đầu tư công trung hạn theo nội dung yêu cầu tại Điều 52, Luật Đầu tư công gồm: 1. Tình hình triển khai và dự kiến kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước. 2. Phương hướng hoặc kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; mục tiêu, định hướng cơ cấu đầu tư theo ngành, lĩnh vực, chương trình đầu tư công trong trung hạn. Việc phân loại theo ngành, lĩnh vực được thực hiện theo quy định của Luật này. 3. Khả năng huy động và cân đối các nguồn vốn; dự kiến tổng số vốn đầu tư để thực hiện các phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, ngành, lĩnh vực trong trung hạn, bao gồm vốn bố trí cho nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, chương trình, dự án, hoàn trả các khoản ứng trước, hoàn trả các khoản vốn vay khác của ngân sách địa phương để đầu tư. 4. Tổng mức vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước, bao gồm vốn ngân sách trung ương, vốn ngân sách địa phương; tổng mức vốn ngân sách trung ương chi tiết theo từng ngành, lĩnh vực, dự kiến mức vốn phân bổ cho từng Bộ, cơ quan trung ương và mức vốn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương đối với báo cáo trình Quốc hội. Tổng mức vốn của từng cơ quan, đơn vị, tổ chức được giao kế hoạch vốn đầu tư công sử dụng vốn ngân sách địa phương các cấp chi tiết theo từng ngành, lĩnh vực và mức vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới đối với báo cáo trình Hội đồng nhân dân. 5. Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công trung hạn. 6. Sắp xếp thứ tự ưu tiên, lựa chọn danh mục dự án dự kiến và mức vốn bố trí cho từng chương trình, nhiệm vụ, dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn phù hợp với khả năng cân đối vốn đầu tư công và khả năng huy động các nguồn vốn khác để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và phương hướng hoặc kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm. 7. Giải pháp thực hiện và dự kiến kết quả đạt được.

2. Xây dựng kế hoạch đầu tư công hàng năm của địa phương.

1.	Tên TTHC	Xây dựng kế hoạch đầu tư công hàng năm của địa phương
----	----------	---

2	Lĩnh vực	Lĩnh vực tài chính
3	Văn bản quy định	1. Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015; 2. Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024; 3. Nghị định 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn.
4	Trình tự thực hiện	Bước 1: Căn cứ hướng dẫn của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính địa phương hướng dẫn cơ quan, đơn vị cấp dưới lập kế hoạch đầu tư công năm sau. Bước 2: Sở Tài chính theo chức năng nhiệm vụ được giao giúp việc cho UBND tỉnh tổng hợp nhu cầu kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước hằng năm gửi Bộ Tài chính trước ngày 30/7 hằng năm. Bước 3: Sau khi Chính phủ dự kiến khả năng cân đối ngân sách nhà nước cho chi đầu tư phát triển năm sau cho địa phương. Sở Tài chính theo chức năng nhiệm vụ được giao giúp việc cho UBND tỉnh tổng hợp kế hoạch đầu tư công hằng năm, bao gồm danh mục và mức vốn bố trí cho từng chương trình, nhiệm vụ, dự án và đối tượng đầu tư công khác gửi Bộ Tài chính trước ngày 01 tháng 9 hằng năm. Bước 4: Sở Tài chính theo chức năng nhiệm vụ được giao giúp việc cho UBND tỉnh trình HĐND tỉnh tại kỳ họp cuối năm của HĐND kế hoạch đầu tư công năm sau, bao gồm danh mục và mức vốn bố trí cho từng dự án.
5	Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua phần mềm quản lý văn bản điều hành tỉnh Bắc Ninh, tổ chức họp UBND tỉnh, HĐND tỉnh
6	Thành phần, số lượng hồ sơ	- Tờ trình của UBND tỉnh về kế hoạch đầu tư công hằng năm; - Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về kế hoạch đầu tư công hằng năm. - Tài liệu khác (nếu có).
7	Thời hạn giải quyết	Bước 1: trước ngày 30 tháng 6 hằng năm. Bước 2: trước ngày 30 tháng 7 hằng năm. Bước 3: trước ngày 01 tháng 9 hằng năm. Bước 4: tại kỳ họp cuối năm của HĐND tỉnh.
8	Đối tượng thực hiện	UBND tỉnh, Sở Tài chính, UBND cấp dưới, chủ đầu tư, cơ quan, đơn vị, có liên quan
9	Cơ quan trực tiếp thực hiện	Sở Tài chính
10	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	HĐND tỉnh
11	Kết quả thực hiện	Nghị quyết của HĐND tỉnh về kế hoạch đầu tư công hằng năm tỉnh Bắc Ninh; Quyết định giao kế hoạch vốn đầu tư công hằng năm.
12	Phí, lệ phí	Không có
13	Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Không có
14	Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Cơ quan, đơn vị, UBND cấp dưới, chủ đầu tư thực hiện báo cáo kế hoạch đầu tư công hằng năm theo nội dung yêu cầu tại Điều 53, Luật Đầu tư công gồm: 1. Tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm trước.

		2. Định hướng đầu tư công trong năm kế hoạch. 3. Khả năng huy động và cân đối các nguồn vốn thực hiện trong năm kế hoạch. 4. Lựa chọn danh mục dự án dự kiến và mức vốn bố trí cho từng chương trình, nhiệm vụ, dự án phù hợp với danh mục dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn và khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công hằng năm. 5. Giải pháp điều hành, tổ chức thực hiện và dự kiến kết quả đạt được.
--	--	--

3. Thủ tục: Đề nghị điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn Ngân sách Trung ương

1	Tên TTHC	Đề nghị điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn Ngân sách Trung ương
2	Lĩnh vực	Đầu tư công
3	Văn bản quy định	- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 65/2025/QH15 ngày 19 tháng 2 năm 2025; - Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024; - Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật số 56/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội. - Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công
4	Trình tự thực hiện	Chủ tịch Ủy ban nhân tỉnh căn cứ sự cần thiết, yêu cầu về tiến độ thực hiện và giải ngân các dự án, giao cơ quan chuyên môn quản lý về đầu tư công rà soát, đề xuất phương án điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương báo cáo Bộ Tài chính để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.
5	Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua phần mềm Quản lý văn bản và Điều hành tỉnh Bắc Ninh
6	Thành phần, số lượng hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ: - Văn bản báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương, đề xuất phương án điều chỉnh. - Các tài liệu khác có liên quan. b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ
7	Thời hạn giải quyết	Không quy định
8	Đối tượng thực hiện	Sở Tài chính; cơ quan, đơn vị có liên quan, UBND cấp dưới, các chủ đầu tư
9	Cơ quan trực tiếp thực hiện	Sở Tài chính
10	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	UBND tỉnh Bắc Ninh
11	Kết quả thực hiện	Văn bản của UBND tỉnh Bắc Ninh đề nghị điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn Ngân sách Trung ương.

12	Phí, lệ phí	Không quy định
13	Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Không quy định
14	Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Không quy định

4. Thủ tục: Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn Ngân sách địa phương

4.1. Thủ tục: Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn Ngân sách địa phương (Thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh)

1.	Tên TTHC	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn Ngân sách địa phương (Thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh).
2.	Lĩnh vực	Đầu tư công
3.	Văn bản quy định	- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 65/2025/QH15 ngày 19 tháng 2 năm 2025; - Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024; - Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật số 56/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội. - Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công
4.	Trình tự thực hiện	Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ sự cần thiết, yêu cầu về tiến độ thực hiện và giải ngân các dự án, giao cơ quan chuyên môn quản lý về đầu tư công rà soát, đề xuất phương án điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn Ngân sách địa phương để trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.
5.	Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua phần mềm Quản lý văn bản và Điều hành tỉnh Bắc Ninh, tổ chức họp UBND tỉnh, HĐND tỉnh.
6.	Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: a) Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách địa phương b) Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách địa phương. c) Tài liệu khác (nếu có). 2. Số lượng hồ sơ: đảm bảo đầy đủ số lượng để gửi xin ý kiến Hội đồng nhân dân tỉnh.
7.	Thời hạn giải quyết	Không quy định
8.	Đối tượng thực hiện	UBND tỉnh; Sở Tài chính; cơ quan, đơn vị có liên quan, UBND cấp dưới, các chủ đầu tư
9.	Cơ quan trực tiếp thực hiện	Sở Tài chính
10.	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	HĐND tỉnh Bắc Ninh

11.	Kết quả thực hiện	Nghị quyết của HĐND tỉnh về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách địa phương
12.	Phí, lệ phí	Không quy định
13.	Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Không quy định
14.	Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn của địa phương trong các trường hợp sau đây: a) Do điều chỉnh mục tiêu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; b) Do thay đổi đột biến về cân đối thu ngân sách địa phương hoặc khả năng huy động các nguồn vốn của địa phương; c) Do thay đổi nhu cầu sử dụng hoặc khả năng triển khai thực hiện vốn kế hoạch hằng năm giữa các cơ quan, đơn vị của địa phương.

4.2. Thủ tục: Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn Ngân sách địa phương (Thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh)

1	Tên TTHC	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn Ngân sách địa phương (Thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh)
2	Lĩnh vực	Đầu tư công
3	Văn bản quy định	- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 65/2025/QH15 ngày 19 tháng 2 năm 2025; - Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024; - Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật số 56/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội. - Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công
4	Trình tự thực hiện	Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ sự cần thiết, yêu cầu về tiến độ thực hiện và giải ngân các dự án, giao cơ quan chuyên môn quản lý về đầu tư công rà soát, đề xuất phương án điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn Ngân sách địa phương để xem xét, quyết định.
5	Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua phần mềm Quản lý văn bản và Điều hành tỉnh Bắc Ninh
6	Thành phần, số lượng hồ sơ	Thành phần hồ sơ: a) Tờ trình của Sở Tài chính về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách địa phương b) Dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách địa phương. c) Tài liệu khác (nếu có). 2. Số lượng hồ sơ: đảm bảo đầy đủ số lượng hợp Ủy ban nhân dân tỉnh.
7	Thời hạn giải quyết	Không quy định
8	Đối tượng thực hiện	Sở Tài chính; cơ quan, đơn vị có liên quan, UBND cấp dưới, các chủ đầu tư
9	Cơ quan trực tiếp thực hiện	Sở Tài chính

10	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	UBND tỉnh Bắc Ninh
11	Kết quả thực hiện	Quyết định của UBND tỉnh về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách địa phương
12	Phí, lệ phí	Không quy định
13	Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Không quy định
14	Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	UBND tỉnh quyết định điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn đối với vốn ngân sách địa phương giữa các cơ quan, đơn vị được giao kế hoạch vốn do cấp mình quản lý trong trường hợp không vượt tổng mức vốn trung hạn đã được Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định

5. Thủ tục: Quyết định/ Điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công nhóm A thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh.

1	Tên TTHC	Thẩm định, thẩm định điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công nhóm A thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh
2	Lĩnh vực	Đầu tư công
3	Văn bản quy định	1. Luật Đầu tư công năm 2024; 2. Luật Xây dựng năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; 3. Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; 4. Quyết định số 11/2021/QĐ-UBND ngày 19/5/2021 của UBND tỉnh Ban hành Quy định về quản lý đầu tư công trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; Quyết định số 06/2024/QĐ-UBND ngày 28/02/2024 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về quản lý đầu tư công trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh ban hành kèm theo Quyết định số 11/2021/QĐ-UBND ngày 19/5/2021 của UBND tỉnh Bắc Ninh; 5. Quyết định số 482/QĐ-UBND ngày 18/3/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thành lập Hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư và giao cơ quan thẩm định chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công do Hội đồng nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư.
4	Trình tự thực hiện	- Sở Tài chính căn cứ vào các quy định tổ chức kiểm tra hồ sơ. - HĐTD cấp tỉnh tổ chức thẩm định chủ trương đầu tư. - HĐTD cấp tỉnh ban hành Báo cáo kết quả thẩm định chủ trương đầu tư (trường hợp hồ sơ được thông qua công tác thẩm định) hoặc Văn bản yêu cầu hoàn thiện, bổ sung hồ sơ (trường hợp hồ sơ phải tiếp tục hoàn thiện).
5	Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua phần mềm Quản lý văn bản và Điều hành tỉnh Bắc Ninh
6	Thành phần, số lượng hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ: - Tờ trình đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án; - Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án nhóm A/Báo cáo nghiên cứu

		tiền khả thi điều chỉnh dự án nhóm A theo quy định; - Các tài liệu liên quan khác (nếu có). b) Số lượng hồ sơ: Theo yêu cầu của Hội đồng thẩm định.
7	Thời hạn giải quyết	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.
8	Đối tượng thực hiện	Hội đồng thẩm định cấp tỉnh, Sở Tài chính, cơ quan, đơn vị có liên quan
9	Cơ quan trực tiếp thực hiện	Hội đồng thẩm định cấp tỉnh, Sở Tài chính, cơ quan, đơn vị có liên quan
10	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Hội đồng thẩm định cấp tỉnh
11	Kết quả thực hiện	Báo cáo thẩm định, thẩm định điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công nhóm A thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh
12	Phí, lệ phí	Không quy định
13	Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Không quy định
14	Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Không quy định

6. Thủ tục: Thẩm định, thẩm định điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công nhóm B, nhóm C thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh.

1	Tên TTHC	Thẩm định, thẩm định điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công nhóm B, nhóm C thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh.
2	Lĩnh vực	Đầu tư công
3	Văn bản quy định	1. Luật Đầu tư công năm 2024; 2. Luật Xây dựng năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; 3. Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; 4. Quyết định số 11/2021/QĐ-UBND ngày 19/5/2021 của UBND tỉnh Ban hành Quy định về quản lý đầu tư công trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; Quyết định số 06/2024/QĐ-UBND ngày 28/02/2024 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về quản lý đầu tư công trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh ban hành kèm theo Quyết định số 11/2021/QĐ-UBND ngày 19/5/2021 của UBND tỉnh Bắc Ninh; 5. Quyết định số 482/QĐ-UBND ngày 18/3/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thành lập Hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư và giao cơ quan thẩm định chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công do Hội đồng nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư.
4	Trình tự thực hiện	- Sở Tài chính căn cứ vào các quy định tổ chức kiểm tra hồ sơ. - HĐTĐ cấp tỉnh/Sở Tài chính chủ trì (đối với dự án nhóm C có tổng mức đầu tư dưới 15 tỷ đồng) tổ chức thẩm định chủ trương đầu tư.

		- HĐTD cấp tỉnh/Sở Tài chính (đối với dự án nhóm C có tổng mức đầu tư dưới 15 tỷ đồng) ban hành Báo cáo kết quả thẩm định chủ trương đầu tư (trường hợp hồ sơ được thông qua công tác thẩm định) hoặc Văn bản yêu cầu hoàn thiện, bổ sung hồ sơ (trường hợp hồ sơ phải tiếp tục hoàn thiện).
5	Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua phần mềm Quản lý văn bản và Điều hành tỉnh Bắc Ninh
6	Thành phần, số lượng hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ: - Tờ trình đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án; - Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, dự án nhóm B, nhóm C/Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án nhóm B, nhóm C theo quy định; - Các tài liệu liên quan khác (nếu có). b) Số lượng hồ sơ: Theo yêu cầu của Hội đồng thẩm định hoặc cơ quan chủ trì thẩm định.
7	Thời hạn giải quyết	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.
8	Đối tượng thực hiện	Hội đồng thẩm định cấp tỉnh, Sở Tài chính, cơ quan, đơn vị có liên quan
9	Cơ quan trực tiếp thực hiện	Hội đồng thẩm định cấp tỉnh, Sở Tài chính, cơ quan, đơn vị có liên quan
10	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Hội đồng thẩm định cấp tỉnh/Sở Tài chính (đối với dự án nhóm C có tổng mức đầu tư dưới 15 tỷ đồng)
11	Kết quả thực hiện	Báo cáo thẩm định, thẩm định chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công nhóm B, nhóm C thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh.
12	Phí, lệ phí	Không quy định
13	Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Không quy định
14	Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Không quy định

7. Thủ tục: Quyết định đầu tư dự án đầu tư công nhóm C (có tổng mức đầu tư dưới 15 tỷ đồng)

1	Tên TTHC	Quyết định đầu tư dự án đầu tư công nhóm C (có tổng mức đầu tư dưới 15 tỷ đồng)
2	Lĩnh vực	Đầu tư công
3	Văn bản quy định	1. Luật Đầu tư công năm 2024; 2. Luật Xây dựng năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; 3. Các Nghị định của Chính phủ: số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021; số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023; số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024; số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025;

		4. Các Quyết định của UBND tỉnh: số 11/2021/QĐ-UBND ngày 19/5/2021 ban hành Quy định về quản lý đầu tư công trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; số 11/2024/QĐ-UBND ngày 04/5/2024 về việc ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; số 06/2024/QĐ-UBND ngày 28/02/2024 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về quản lý đầu tư công trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.
4	Trình tự thực hiện	- Sở Tài chính căn cứ vào các tổ chức kiểm tra hồ sơ. - Lãnh đạo Sở Tài chính ký ban hành Quyết định đầu tư dự án đầu tư công nhóm C (có tổng mức đầu tư dưới 15 tỷ đồng) hoặc văn bản yêu cầu hoàn thiện, bổ sung hồ sơ (trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện).
5	Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua phần mềm Quản lý văn bản và Điều hành tỉnh Bắc Ninh
6	Thành phần, số lượng hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ: - Tờ trình đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư dự án; - Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đã được hoàn thiện theo ý kiến thẩm định; - Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư dự án; - Báo cáo thẩm định của cơ quan có thẩm quyền; - Các tài liệu liên quan khác (nếu có). b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
7	Thời hạn giải quyết	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.
8	Đối tượng thực hiện	Sở Tài chính, cơ quan, đơn vị có liên quan
9	Cơ quan trực tiếp thực hiện	Sở Tài chính
10	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Giám đốc Sở Tài chính
11	Kết quả thực hiện	Quyết định đầu tư dự án đầu tư công nhóm C (có tổng mức đầu tư dưới 15 tỷ đồng)
12	Phí, lệ phí	Không quy định
13	Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Không quy định
14	Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Không quy định

8. Thủ tục: Quyết định điều chỉnh dự án đầu tư công nhóm C (có tổng mức đầu tư dưới 15 tỷ đồng).

1	Tên TTHC	Quyết định điều chỉnh dự án đầu tư công nhóm C (có tổng mức đầu tư dưới 15 tỷ đồng)
2	Lĩnh vực	Đầu tư công
3	Văn bản quy định	1. Luật Đầu tư công năm 2024; 2. Luật Xây dựng năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020;

		3. Các Nghị định của Chính phủ: số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021; số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023; số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024; số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025; 4. Các Quyết định của UBND tỉnh: số 11/2021/QĐ-UBND ngày 19/5/2021 ban hành Quy định về quản lý đầu tư công trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; số 11/2024/QĐ-UBND ngày 04/5/2024 về việc ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; số 06/2024/QĐ-UBND ngày 28/02/2024 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về quản lý đầu tư công trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.
4	Trình tự thực hiện	- Sở Tài chính căn cứ vào các tổ chức kiểm tra hồ sơ. - Lãnh đạo Sở Tài chính ký ban hành Quyết định điều chỉnh dự án đầu tư công nhóm C (có tổng mức đầu tư dưới 15 tỷ đồng) hoặc văn bản yêu cầu hoàn thiện, bổ sung hồ sơ (trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện).
5	Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua phần mềm Quản lý văn bản và Điều hành tỉnh Bắc Ninh
6	Thành phần, số lượng hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ: - Tờ trình đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định điều chỉnh dự án; - Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh đã được hoàn thiện theo ý kiến thẩm định; - Quyết định phê duyệt/phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án; - Báo cáo thẩm định của cơ quan có thẩm quyền; - Các tài liệu liên quan khác (nếu có). b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
7	Thời hạn giải quyết	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.
8	Đối tượng thực hiện	Sở Tài chính, cơ quan, đơn vị có liên quan
9	Cơ quan trực tiếp thực hiện	Sở Tài chính
10	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Giám đốc Sở Tài chính
11	Kết quả thực hiện	Quyết định điều chỉnh dự án đầu tư công nhóm C (có tổng mức đầu tư dưới 15 tỷ đồng)
12	Phí, lệ phí	Không quy định
13	Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Không quy định
14	Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Không quy định

9. Thủ tục: Lập quy hoạch tỉnh.

1	Tên TTHC	Lập Quy hoạch tỉnh
---	----------	--------------------

2	Lĩnh vực	Quy hoạch
3	Văn bản quy định	- Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 15/2023/QH15, Luật số 16/2023/QH15, Luật số 28/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 35/2024/QH15, Luật số 38/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15 và Luật số 57/2024/QH15; - Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 58/2023/NĐ-CP, Nghị định số 22/2025/NĐ-CP.
4	Trình tự thực hiện	1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; 2. Sở Tài chính lựa chọn tổ chức tư vấn lập quy hoạch; chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện nghiên cứu, xây dựng quy hoạch; phân tích, đánh giá, dự báo về các yếu tố, điều kiện, nguồn lực, bối cảnh phát triển, đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đề xuất các quan điểm chỉ đạo và mục tiêu, các định hướng ưu tiên phát triển làm cơ sở lập quy hoạch; 3. Các cơ quan, tổ chức liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện đề xuất nội dung đưa vào quy hoạch thuộc lĩnh vực phụ trách và gửi Sở Tài chính; 4. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, xử lý các vấn đề liên ngành, liên huyện nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và hiệu quả của quy hoạch; đề xuất Điều chỉnh, bổ sung nội dung quy hoạch do các cơ quan, tổ chức, Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng; 5. Các cơ quan, tổ chức liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện nội dung quy hoạch được phân công gửi Sở Tài chính; 6. Sở Tài chính hoàn thiện quy hoạch và gửi lấy ý kiến theo quy định tại Điều 19 của Luật Quy hoạch; 7. Sở Tài chính tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý và hoàn thiện quy hoạch trình Hội đồng thẩm định quy hoạch; 8. Sở Tài chính hoàn thiện quy hoạch theo kết luận của Hội đồng thẩm định quy hoạch trình Ủy ban nhân dân tỉnh; 9. Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua quy hoạch trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.
5	Cách thức thực hiện	Gửi hồ sơ trực tiếp và gửi trên luồng điện tử
6	Thành phần, số lượng hồ sơ	* Đối với hồ sơ xin ý kiến dự thảo quy hoạch a) Thành phần hồ sơ: - Báo cáo quy hoạch; - Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược; - Hệ thống sơ đồ, bản đồ thể hiện nội dung quy hoạch. b) Số lượng hồ sơ: Tùy vào số lượng Bộ ngành trung ương và số lượng tỉnh/thành phố lân cận, các cơ quan, đơn vị trong tỉnh * Đối với hồ sơ trình thẩm định quy hoạch

		a) Thành phần hồ sơ: - Tờ trình; - Báo cáo quy hoạch; - Dự thảo văn bản quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch; - Báo cáo tổng hợp ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân về quy hoạch; bản sao ý kiến góp ý của Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương liên quan; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý về quy hoạch; - Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược; - Hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu về quy hoạch. b) Số lượng hồ sơ: Đảm bảo đầy đủ số lượng để gửi xin ý kiến Hội đồng thẩm định, chuyên gia phản biện và tư vấn phản biện độc lập (trong trường hợp cần thiết) * Đối với hồ sơ trình phê duyệt a) Thành phần hồ sơ: - Tờ trình; - Báo cáo quy hoạch; - Dự thảo văn bản quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch; - Báo cáo tổng hợp ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân về quy hoạch; bản sao ý kiến góp ý của Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương liên quan; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý về quy hoạch; - Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược; - Báo cáo thẩm định quy hoạch; bản sao ý kiến của chuyên gia, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và tổ chức khác có liên quan; báo cáo phản biện của tư vấn phản biện độc lập (nếu có); - Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định; - Hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu về quy hoạch
7	Thời hạn giải quyết	- Đối với việc lấy ý kiến dự thảo quy hoạch: Theo quy định tại Nghị định số 37/2019/NĐ-CP của Chính phủ, các cơ quan được hỏi ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 30 ngày tính từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến về quy hoạch. - Đối với việc thẩm định quy hoạch tỉnh: Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị tham gia ý kiến thẩm định (kèm theo hồ sơ trình thẩm định Quy hoạch tỉnh), các thành viên Hội đồng thẩm định, ủy viên phản biện và tư vấn phản biện độc lập quy hoạch (nếu có) gửi văn bản tham gia ý kiến thẩm định đến cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định để tổng hợp.
8	Đối tượng thực hiện	Các bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh các địa phương trong vùng và các địa phương liên kề; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện và cộng đồng dân cư, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến quy hoạch tỉnh; Các thành viên Hội đồng thẩm định và ủy viên phản biện tham gia ý kiến thẩm định
9	Cơ quan trực tiếp thực hiện	UBND tỉnh; Sở Tài chính
10	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Thủ tướng Chính phủ
11	Kết quả thực hiện	Quyết định phê duyệt Quy hoạch tỉnh

12	Phí, lệ phí	Không quy định
13	Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Không quy định
14	Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Thực hiện theo quy định của Luật Quy hoạch

10. Thủ tục: Điều chỉnh quy hoạch tỉnh.

1	Tên TTHC	Điều chỉnh quy hoạch tỉnh.
2	Lĩnh vực	Quy hoạch
3	Văn bản quy định	- Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 15/2023/QH15, Luật số 16/2023/QH15, Luật số 28/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 35/2024/QH15, Luật số 38/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15 và Luật số 57/2024/QH15; - Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 58/2023/NĐ-CP, Nghị định số 22/2025/NĐ-CP.
4	Trình tự thực hiện	- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương điều chỉnh quy hoạch tỉnh. - Trình tự, thủ tục điều chỉnh quy hoạch được thực hiện như đối với việc lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch quy định tại Chương II và Chương III của Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 15/2023/QH15, Luật số 16/2023/QH15, Luật số 28/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 35/2024/QH15, Luật số 38/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15 và Luật số 57/2024/QH15. - Đối với trình tự, thủ tục rút gọn thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 38d Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 58/2023/NĐ-CP, Nghị định số 22/2025/NĐ-CP.
5	Cách thức thực hiện	Gửi hồ sơ trực tiếp và gửi trên luồng điện tử.
6	Thành phần, số lượng hồ sơ	* Đối với trình tự, thủ tục thông thường: Thành phần và số lượng hồ sơ như thành phần, số lượng hồ sơ của hoạt động lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch. * Đối với trình tự, thủ tục rút gọn: Thực hiện theo quy định tại khoản 9, khoản 10 Điều 38d Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 58/2023/NĐ-CP, Nghị định số 22/2025/NĐ-CP; Cụ thể: - Hồ sơ gửi xin ý kiến bao gồm văn bản chấp thuận chủ trương điều chỉnh của cấp có thẩm quyền (nếu có); báo cáo thuyết minh điều chỉnh quy hoạch; dự thảo văn bản quyết định hoặc phê duyệt điều

		chính quy hoạch; hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu có liên quan đến nội dung điều chỉnh quy hoạch. - Hồ sơ trình quyết định hoặc phê duyệt bao gồm tờ trình; văn bản chấp thuận chủ trương điều chỉnh của cấp có thẩm quyền (nếu có); báo cáo thuyết minh điều chỉnh quy hoạch; dự thảo văn bản quyết định hoặc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch; báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các cơ quan có liên quan; hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu có liên quan đến nội dung điều chỉnh quy hoạch
7	Thời hạn giải quyết	- Thời gian trong quá trình lập điều chỉnh theo trình tự, thủ tục thông thường: thực hiện như đối với việc lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch. - Thời gian trong quá trình lập điều chỉnh theo trình tự, thủ tục rút gọn: Các cơ quan có liên quan có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ gửi xin ý kiến
8	Đối tượng thực hiện	Các bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan đến nội dung điều chỉnh; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh các địa phương trong vùng và các địa phương liên kề có liên quan đến nội dung điều chỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện và cộng đồng dân cư, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến nội dung điều chỉnh quy hoạch.
9	Cơ quan trực tiếp thực hiện	UBND tỉnh; Sở Tài chính
10	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	* Đối với trình tự, thủ tục thông thường: Thủ tướng Chính phủ * Đối với trình tự, thủ tục rút gọn: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tỉnh và báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện.
11	Kết quả thực hiện	Quy hoạch tỉnh điều chỉnh
12	Phí, lệ phí	Không quy định
13	Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Không quy định
14	Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Thực hiện theo quy định của Luật Quy hoạch

11. Thủ tục: Cung cấp thông tin quy hoạch tỉnh.

1	Tên TTHC	Cung cấp thông tin quy hoạch tỉnh
2	Lĩnh vực	Quy hoạch
3	Văn bản quy định	- Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 15/2023/QH15, Luật số 16/2023/QH15, Luật số 28/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 35/2024/QH15, Luật số 38/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15 và Luật số 57/2024/QH15; - Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 58/2023/NĐ-CP, Nghị định số 22/2025/NĐ-CP.
4	Trình tự thực	Thông tin về quy hoạch đã được quyết định hoặc phê duyệt phải được

	hiện	cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác cho cơ quan, tổ chức, cá nhân khi có yêu cầu, trừ những nội dung liên quan đến bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.
5	Cách thức thực hiện	Hình thức cung cấp thông tin quy hoạch + Cung cấp bằng văn bản hoặc thông tin trực tiếp theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân. + Đăng tải trên trang thông tin điện tử và phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại Điều 40 của Luật Quy hoạch. + Cung cấp các ấn phẩm về quy hoạch.
6	Thành phần, số lượng hồ sơ	Không quy định
7	Thời hạn giải quyết	Không quy định
8	Đối tượng thực hiện	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm cung cấp thông tin về quy hoạch tỉnh.
9	Cơ quan trực tiếp thực hiện	UBND tỉnh; Sở Tài chính
10	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Không quy định
11	Kết quả thực hiện	Cung cấp thông tin về Quy hoạch đã được quyết định hoặc phê duyệt
12	Phí, lệ phí	Không quy định
13	Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Không quy định
14	Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Không quy định

12. Thủ tục: Thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP do cơ quan có thẩm quyền lập (cấp tỉnh).

1	Tên TTHC	Thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP do cơ quan có thẩm quyền lập (cấp tỉnh).
2	Lĩnh vực	Đầu tư theo Phương thức đối tác công tư (PPP)
3	Văn bản quy định	Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành <u>Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư</u> ; Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ Quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư; Thông tư số 09/2021/TT-BKHĐT ngày 16/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư và dự án đầu tư có sử dụng đất; Thông tư số 10/2022/TT-BKHĐT ngày 15/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin và lựa chọn nhà đầu tư trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.
4	Trình tự thực hiện	a) Trình tự lập hồ sơ đề xuất dự án đầu tư do nhà đầu tư đề xuất Bước 1: Sở Tài chính tiếp nhận hồ sơ của Nhà đầu tư; kiểm tra, thẩm định

		tính hợp lệ của hồ sơ: 03 ngày làm việc. Bước 2: Sở Tài chính thẩm định Hồ sơ đề nghị của Nhà đầu tư; Sở Tài chính: 07 ngày làm việc Bước 3: UBND tỉnh xem xét, trả lời bằng văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận việc nhà đầu tư lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi. Thời hạn: Không quy định b) Trình tự thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh được quy định như sau: Bước 1: Trường hợp được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận, nhà đầu tư lập hồ sơ đề xuất dự án. Sở Tài chính tiếp nhận hồ sơ của Nhà đầu tư; kiểm tra, thẩm định tính hợp lệ của hồ sơ: 03 ngày làm việc. Bước 2: Sở Tài chính có văn bản gửi các thành viên Hội đồng thẩm định cấp cơ sở hoặc các cơ quan chuyên môn để lấy ý kiến thẩm định: 03 ngày Bước 3: Các thành viên Hội đồng thẩm định cấp cơ sở hoặc các cơ quan chuyên môn có liên quan xem xét, gửi ý kiến thẩm định về Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi của nhà đầu tư: 10 ngày. Bước 4: Căn cứ ý kiến thẩm định, Sở Tài chính tổng hợp ý kiến thẩm định: - Trường hợp cần chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, Sở Tài chính có văn bản đề nghị Nhà đầu tư chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện Hồ sơ theo quy định - Trường hợp đủ điều kiện trình UBND tỉnh theo quy định, Sở Tài chính lập báo cáo thẩm định trình UBND tỉnh. Thời hạn: 07 ngày Bước 5: UBND tỉnh xem xét, trình HĐND tỉnh: 07 ngày. Bước 6: Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án, trả kết quả cho UBND tỉnh đồng thời gửi Sở Tài chính để trả cho Nhà đầu tư: 15 ngày.
5	Cách thức thực hiện	Thực hiện trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành Chính tỉnh Bắc Ninh và hệ thống quản lý văn bản điều hành
6	Thành phần, số lượng hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ: * <i>Hồ sơ thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi bao gồm:</i> - + Văn bản đề nghị thẩm định; + Dự thảo tờ trình đề nghị quyết định chủ trương đầu tư; + Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi; + Văn bản chấp thuận việc nhà đầu tư lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi; + Quyết định sử dụng tài sản công để tham gia dự án PPP theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công (trường hợp dự án sử dụng tài sản công làm vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng); + Tài liệu pháp lý khác có liên quan của dự án. <i>Hồ sơ đề nghị quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP bao gồm:</i> + Tờ trình đề nghị quyết định chủ trương đầu tư; + Dự thảo quyết định chủ trương đầu tư; + Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi; + Báo cáo thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi; báo cáo thẩm tra đối với dự án do Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư; + Tài liệu pháp lý khác có liên quan của dự án. b) Số lượng hồ sơ: 10 bộ
7	Thời hạn giải quyết	Tổng thời gian giải quyết TTHC: 45 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trong đó:

		Thời gian thẩm định: Không quá 30 ngày. Thời hạn phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư: Không quá 15 ngày.
8	Đối tượng thực hiện	* Đối tượng: Tổ chức, Cá nhân.
9	Cơ quan trực tiếp thực hiện	Sở Tài chính; UBND tỉnh;
10	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Hội đồng Nhân dân tỉnh
11	Kết quả thực hiện	- Báo cáo thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất. - Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất.
12	Phí, lệ phí	Không quy định
13	Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Các Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư bao gồm: - Phụ lục I: Mẫu kế hoạch thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc báo cáo nghiên cứu khả thi dự án; - Phụ lục II - Mẫu số 01: Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án PPP; - Phụ lục II - Mẫu số 02: Báo cáo thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án PPP; - Phụ lục II - Mẫu số 03: Nghị quyết/Quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP
14	Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	- Dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất phải đáp ứng các điều kiện sau đây: + Phù hợp với điều kiện lựa chọn dự án để đầu tư theo phương thức PPP quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 14 của Luật PPP; + Không trùng với dự án PPP đang được cơ quan có thẩm quyền tổ chức lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc đã chấp thuận nhà đầu tư khác lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi; + Phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia và quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch. - Dự án do nhà đầu tư đề xuất phải tổ chức đấu thầu rộng rãi hoặc đàm phán cạnh tranh theo quy định tại Điều 37 hoặc Điều 38 của Luật PPP. * Đối tượng: Tổ chức, Cá nhân.

13. Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định phê duyệt dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất (cấp tỉnh)

1	Tên TTHC	Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định phê duyệt dự án PPP do cơ nhà đầu tư đề xuất
2	Lĩnh vực	Đầu tư theo Phương thức đối tác công tư (PPP)
3	Văn bản quy định	Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ Quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư; Thông tư số 09/2021/TT-BKHĐT ngày 16/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư và dự án đầu tư có sử dụng đất; Thông tư

		số 10/2022/TT-BKHĐT ngày 15/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin và lựa chọn nhà đầu tư trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.
4	Trình, tự thực hiện	Bước 1: Sở Tài chính tiếp nhận hồ sơ của Nhà đầu tư; kiểm tra, thẩm định tính hợp lệ của hồ sơ: 03 ngày làm việc. Bước 2: Sở Tài chính có văn bản gửi các thành viên Hội đồng thẩm định cấp cơ sở hoặc các cơ quan chuyên môn để lấy ý kiến thẩm định: 03 ngày Bước 3: Các thành viên Hội đồng thẩm định cấp cơ sở hoặc các cơ quan chuyên môn có liên quan xem xét, gửi ý kiến thẩm định: 14 ngày. Bước 4: Căn cứ ý kiến thẩm định, Sở Tài chính tổng hợp ý kiến thẩm định: - Trường hợp cần chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, Sở Tài chính có văn bản đề nghị Nhà đầu tư chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện Hồ sơ theo quy định - Trường hợp đủ điều kiện trình UBND tỉnh theo quy định, Sở Tài chính lập báo cáo thẩm định trình UBND tỉnh. Thời hạn: 10 ngày Bước 5: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh: 15 ngày.
5	Cách thức thực hiện	Thực hiện trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành Chính tỉnh Bắc Ninh và hệ thống quản lý văn bản điều hành
6	Thành phần, số lượng hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ: Hồ sơ thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất bao gồm + Văn bản đề nghị thẩm định + Dự thảo tờ trình đề nghị phê duyệt dự án; + Báo cáo nghiên cứu khả thi; + Quyết định chủ trương đầu tư; + Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư (trường hợp dự án ứng dụng công nghệ cao, công nghệ mới); + Văn bản thỏa thuận giữa cơ quan có thẩm quyền với nhà đầu tư về việc giao nhà đầu tư lập báo cáo nghiên cứu khả thi (bao gồm trường hợp dự án ứng dụng công nghệ cao, công nghệ mới); + Tài liệu pháp lý khác có liên quan của dự án. Hồ sơ đề nghị phê duyệt dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất bao gồm + Tờ trình đề nghị phê duyệt dự án; + Dự thảo quyết định phê duyệt dự án; + Báo cáo nghiên cứu khả thi; + Báo cáo thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi; + Quyết định chủ trương đầu tư; + Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư (trường hợp dự án ứng dụng công nghệ cao, công nghệ mới); + Tài liệu pháp lý khác có liên quan của dự án. b) Số lượng hồ sơ: 10 bộ
7	Thời hạn giải quyết	Tổng thời gian giải quyết TTHC: 45 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trong đó: Thời gian thẩm định: Không quá 30 ngày. Thời hạn phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư: Không quá 15 ngày.
8	Đối tượng thực hiện	* Đối tượng: Tổ chức, Cá nhân.
9	Cơ quan trực tiếp	Sở Tài chính; UBND tỉnh;

	thực hiện	
10	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Chủ tịch UBND cấp tỉnh
11	Kết quả thực hiện	- Báo cáo thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất. - Quyết định phê duyệt dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất.
12	Phí, lệ phí	Không quy định
13	Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Các Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư bao gồm: - Phụ lục I: Mẫu kế hoạch thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc báo cáo nghiên cứu khả thi dự án; - Phụ lục III - Mẫu số 01: Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án PPP; - Phụ lục III - Mẫu số 02: Báo cáo thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi dự án PPP; - Phụ lục III - Mẫu số 03: Quyết định phê duyệt dự án PPP.
14	Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Không có

14. Thẩm định nội dung điều chỉnh chủ trương đầu tư, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án PPP do cơ quan có thẩm quyền lập (cấp tỉnh):

1	Tên TTHC	Thẩm định nội dung điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định phê duyệt điều chỉnh dự án PPP do cơ quan có thẩm quyền lập (cấp tỉnh).
2	Lĩnh vực	Đầu tư theo Phương thức đối tác công tư (PPP)
3	Văn bản quy định	Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành <u>Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư</u> ; Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ Quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư; Thông tư số 09/2021/TT-BKHĐT ngày 16/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư và dự án đầu tư có sử dụng đất; Thông tư số 10/2022/TT-BKHĐT ngày 15/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin và lựa chọn nhà đầu tư trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.
4	Trình tự thực hiện	Bước 1: Sở Tài chính tiếp nhận hồ sơ của Nhà đầu tư; kiểm tra, thẩm định tính hợp lệ của hồ sơ: 03 ngày làm việc. Bước 2: Sở Tài chính có văn bản gửi các thành viên Hội đồng thẩm định cấp cơ sở hoặc các cơ quan chuyên môn để lấy ý kiến thẩm định: 03 ngày Bước 3: Các thành viên Hội đồng thẩm định cấp cơ sở hoặc các cơ quan chuyên môn có liên quan xem xét, gửi ý kiến thẩm định: 10 ngày. Bước 4: Căn cứ ý kiến thẩm định, Sở Tài chính tổng hợp ý kiến thẩm định: - Trường hợp cần chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, Sở Tài chính có văn bản đề nghị Nhà đầu tư chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện Hồ sơ theo quy định

		- Trường hợp đủ điều kiện trình UBND tỉnh theo quy định, Sở Tài chính lập báo cáo thẩm định trình UBND tỉnh. Thời hạn: 07 ngày Bước 5: UBND tỉnh xem xét, trình HĐND tỉnh: 07 ngày. Bước 6: Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án, trả kết quả cho UBND tỉnh đồng thời gửi Sở Tài chính để trả cho Nhà đầu tư: 15 ngày.
5	Cách thức thực hiện	Thực hiện trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành Chính tỉnh Bắc Ninh và hệ thống quản lý văn bản điều hành
6	Thành phần, số lượng hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ: - Hồ sơ đề nghị thẩm định nội dung điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất bao gồm + Văn bản đề nghị thẩm định; + Dự thảo tờ trình đề nghị phê duyệt điều chỉnh dự án; + Nội dung điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi; + Quyết định chủ trương đầu tư (hoặc quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư, nếu có); + Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư (trường hợp dự án ứng dụng công nghệ cao, công nghệ mới); + Tài liệu pháp lý khác có liên quan của dự án. - Hồ sơ đề nghị phê duyệt điều chỉnh dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất bao gồm: + Tờ trình đề nghị phê duyệt điều chỉnh dự án; + Dự thảo quyết định phê duyệt điều chỉnh dự án; + Nội dung điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi; + Báo cáo thẩm định nội dung điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi; + Quyết định chủ trương đầu tư (hoặc quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư, nếu có); + Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư (trường hợp dự án ứng dụng công nghệ cao, công nghệ mới); + Tài liệu pháp lý khác có liên quan của dự án b) Số lượng hồ sơ: 10 bộ
7	Thời hạn giải quyết	Tổng thời gian giải quyết TTHC: 45 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trong đó: - Thời gian thẩm định: Không quá 30 ngày - Thời gian phê duyệt dự án PPP: Không quá 15 ngày
8	Đối tượng thực hiện	* Đối tượng: Tổ chức, Cá nhân.
9	Cơ quan trực tiếp thực hiện	Sở Tài chính;
10	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Hội đồng nhân dân tỉnh
11	Kết quả thực hiện	- Báo cáo thẩm định nội dung điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất; - Quyết định phê duyệt nội dung điều chỉnh dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất.
12	Phí, lệ phí	Không quy định
13	Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Các Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư bao gồm: - Phụ lục I: Mẫu kế hoạch thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc báo cáo

		nghiên cứu khả thi dự án; - Phụ lục III - Mẫu số 01: Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án PPP; - Phụ lục III - Mẫu số 02: Báo cáo thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi dự án PPP; - Phụ lục III - Mẫu số 03: Quyết định phê duyệt dự án PPP.
14	Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Không có

15. Thẩm định nội dung điều chỉnh chủ trương đầu tư, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án PPP do cơ quan có thẩm quyền lập (cấp tỉnh).

1	Tên TTHC	Thẩm định nội dung điều chỉnh chủ trương đầu tư, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án PPP do cơ quan có thẩm quyền lập (cấp tỉnh).
2	Lĩnh vực	Đầu tư theo Phương thức đối tác công tư (PPP)
3	Văn bản quy định	Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ Quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư; Thông tư số 09/2021/TT-BKHĐT ngày 16/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư và dự án đầu tư có sử dụng đất; Thông tư số 10/2022/TT-BKHĐT ngày 15/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin và lựa chọn nhà đầu tư trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.
4	Trình tự thực hiện	Bước 1: Sở Tài chính tiếp nhận hồ sơ của Nhà đầu tư; kiểm tra, thẩm định tính hợp lệ của hồ sơ: 03 ngày làm việc. Bước 2: Sở Tài chính có văn bản gửi các thành viên Hội đồng thẩm định cấp cơ sở hoặc các cơ quan chuyên môn để lấy ý kiến thẩm định: 08 ngày Bước 3: Các thành viên Hội đồng thẩm định cấp cơ sở hoặc các cơ quan chuyên môn có liên quan xem xét, gửi ý kiến thẩm định: 30 ngày. Bước 4: Căn cứ ý kiến thẩm định, Sở Tài chính tổng hợp ý kiến thẩm định: - Trường hợp cần chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, Sở Tài chính có văn bản đề nghị Nhà đầu tư chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện Hồ sơ theo quy định - Trường hợp đủ điều kiện trình UBND tỉnh theo quy định, Sở Tài chính lập báo cáo thẩm định trình UBND tỉnh. Thời hạn: 19 ngày Bước 5: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh: 15 ngày.
5	Cách thức thực hiện	Thực hiện trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành Chính tỉnh Bắc Ninh và hệ thống quản lý văn bản điều hành
6	Thành phần, số lượng hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ: Hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi + Văn bản đề nghị thẩm định; + Dự thảo tờ trình đề nghị quyết định chủ trương đầu tư; + Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi; + Văn bản chấp thuận việc nhà đầu tư lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi; + Quyết định sử dụng tài sản công để tham gia dự án PPP theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công (trường hợp dự án sử dụng tài sản công làm vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng); + Tài liệu pháp lý khác có liên quan của dự án.

		- Hồ sơ đề nghị quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án PPP bao gồm: + Tờ trình đề nghị phê duyệt nội dung điều chỉnh chủ trương đầu tư; + Dự thảo quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư; + Nội dung điều chỉnh báo cáo nghiên cứu tiền khả thi + Báo cáo thẩm định, thẩm tra đối với các nội dung điều chỉnh + Tài liệu pháp lý khác có liên quan của dự án. b) Số lượng hồ sơ: 10 bộ
7	Thời hạn giải quyết	Tổng thời gian giải quyết TTHC: 75 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trong đó: Thời hạn thẩm định: Không quá 60 ngày. Thời hạn phê duyệt: Không quá 15 ngày.
8	Đối tượng thực hiện	* Đối tượng: Tổ chức, Cá nhân.
9	Cơ quan trực tiếp thực hiện	Sở Tài chính;
10	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	UBND tỉnh
11	Kết quả thực hiện	- Báo cáo thẩm định, thẩm tra đối với các nội dung điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất; - Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất.
12	Phí, lệ phí	Không quy định
13	Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Các Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư bao gồm: - Phụ lục I: Mẫu kế hoạch thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc báo cáo nghiên cứu khả thi dự án; - Phụ lục III - Mẫu số 01: Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án PPP; - Phụ lục III - Mẫu số 02: Báo cáo thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi dự án PPP; - Phụ lục III - Mẫu số 03: Quyết định phê duyệt dự án PPP.
14	Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Không có

16. Quyết định đầu tư/ điều chỉnh chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản

1	Tên TTHC	Quyết định đầu tư/ điều chỉnh chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản
2	Lĩnh vực	Đầu tư theo Phương thức đối tác công tư (PPP)
3	Văn bản quy định	Luật Đầu tư công; Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài; Nghị định số 20/2023/NĐ-CP ngày 04/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 114/2021/NĐ-CP.
4	Trình tự thực hiện	a) Đối với chương trình đầu tư công do Hội đồng nhân dân quyết định chủ trương đầu tư:

Bước 1: Sở Tài chính tiếp nhận hồ sơ của Nhà đầu tư; kiểm tra, thẩm định tính hợp lệ của hồ sơ: 03 ngày làm việc.

Bước 2: Sở Tài chính có văn bản gửi các thành viên Hội đồng thẩm định cấp tỉnh hoặc các cơ quan chuyên môn để lấy ý kiến thẩm định (hoặc tổ chức họp) theo các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 44 và khoản 2 Điều 45 của Luật Đầu tư công. Chương trình đầu tư công 4 ngày, Dự án nhóm A: 3 ngày; Dự án nhóm B, C: 1 ngày (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)

Bước 3: Các thành viên Hội đồng thẩm định cấp cơ sở hoặc các cơ quan chuyên môn có liên quan xem xét, gửi ý kiến thẩm định: 05 ngày.

Bước 4: Căn cứ ý kiến thẩm định, Sở Tài chính tổng hợp ý kiến thẩm định:

- Trường hợp cần chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, Sở Tài chính có văn bản đề nghị Nhà đầu tư chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện Hồ sơ theo quy định.

- Trường hợp đủ điều kiện trình UBND tỉnh theo quy định, Sở Tài chính báo cáo trình UBND tỉnh.

Thời hạn: + Chương trình đầu tư công 5 ngày, + Dự án nhóm A: 3 ngày; + Dự án nhóm B, C: 2 ngày

Bước 5: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh: + Chương trình đầu tư công 5 ngày, + Dự án nhóm A: 3 ngày; + Dự án nhóm B, C: 01 ngày.

b) Đối với Dự án không có cấu phần xây dựng:

Bước 1: Sở Tài chính tiếp nhận hồ sơ của Nhà đầu tư; kiểm tra, thẩm định tính hợp lệ của hồ sơ: 01 ngày làm việc.

Bước 2: Sở Tài chính có văn bản gửi các thành viên Hội đồng thẩm định cấp tỉnh hoặc các cơ quan chuyên môn để lấy ý kiến thẩm định (hoặc tổ chức họp) theo các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 44 và khoản 2 Điều 45 của Luật Đầu tư công. Chương trình đầu tư công 4 ngày, Dự án nhóm A: 3 ngày; Dự án nhóm B, C: 1 ngày (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)

Bước 3: Các thành viên Hội đồng thẩm định cấp cơ sở hoặc các cơ quan chuyên môn có liên quan xem xét, gửi ý kiến thẩm định: 05 ngày.

Bước 4: Căn cứ ý kiến thẩm định, Sở Tài chính tổng hợp ý kiến thẩm định:

- Trường hợp cần chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, Sở Tài chính có văn bản đề nghị Nhà đầu tư chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện Hồ sơ theo quy định.

- Trường hợp đủ điều kiện trình UBND tỉnh theo quy định, Sở Tài chính báo cáo trình UBND tỉnh.

Thời hạn: + Chương trình đầu tư công 5 ngày, + Dự án nhóm A: 3 ngày; + Dự án nhóm B, C: 2 ngày

Bước 5: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh: + Chương trình đầu tư công 5 ngày, + Dự án nhóm A: 3 ngày; + Dự án nhóm B, C: 01 ngày

c) Trình tự lập thẩm định, quyết định đầu tư dự án có cấu phần xây dựng:

Thời gian thẩm định dự án đầu tư công có cấu phần xây dựng thực hiện theo quy định pháp luật về xây dựng (Điều 19 Nghị định 40/2020/NĐ-CP) và các quy định khác có liên quan đến quản lý và sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, trừ dự án quan trọng quốc gia.

d) Đối với chương trình, dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài áp dụng cơ chế tài chính trong nước theo hình thức cho vay lại

Việc lập, thẩm định chương trình, dự án theo quy định của Luật Đầu tư công và phải được thẩm định phương án tài chính của chương trình, dự án, năng lực tài chính của chủ đầu tư theo quy định của pháp luật về quản lý nợ công và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

5	Cách thức thực hiện	Thực hiện trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành Chính tỉnh Bắc Ninh và hệ thống quản lý văn bản điều hành
6	Thành phần, số lượng hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ: Báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình Dự thảo Quyết định đầu tư chương trình b) Số lượng hồ sơ: 10 bộ
7	Thời hạn giải quyết	Thời gian tổ chức thẩm định và quyết định đầu tư chương trình, dự án kể từ ngày cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư nhận đủ hồ sơ hợp lệ: - Chương trình đầu tư công: Không quá 20 - Dự án nhóm A: Không quá 15 ngày - Dự án nhóm B, C: Không quá 10 ngày
8	Đối tượng thực hiện	* Đối tượng: Chủ trương trình
9	Cơ quan trực tiếp thực hiện	Sở Tài chính;
10	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	UBND tỉnh
11	Kết quả thực hiện	Quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư
12	Phí, lệ phí	Không quy định
13	Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Không quy định
14	Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Không có

17. Quyết định, phê duyệt văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án (bao gồm dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi để chuẩn bị dự án đầu tư) đối với dự án hỗ trợ kỹ thuật chuẩn bị dự án đầu tư do địa phương quản lý.

1	Tên TTHC	Quyết định, phê duyệt văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án (bao gồm dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi để chuẩn bị dự án đầu tư) đối với dự án hỗ trợ kỹ thuật chuẩn bị dự án đầu tư do địa phương quản lý.
2	Lĩnh vực	ODA
3	Văn bản quy định	Luật Đầu tư công; Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài; Nghị định số 20/2023/NĐ-CP ngày 04/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 114/2021/NĐ-CP.
4	Trình tự thực hiện	a) Đối với dự án, phi dự án không quy định tại khoản 1 Điều 23 của Nghị định 114/2021/NĐ-CP Bước 1: Sở Tài chính tiếp nhận hồ sơ của Nhà đầu tư; kiểm tra, thẩm định tính hợp lệ của hồ sơ: 03 ngày làm việc.

		Bước 2: Sở Tài chính có văn bản gửi các thành viên Hội đồng thẩm định cấp tỉnh hoặc các cơ quan chuyên môn để lấy ý kiến thẩm định (hoặc tổ chức họp); Đồng thời tham mưu UBND tỉnh có văn bản gửi lấy ý kiến Bộ Tài chính, các cơ quan có liên quan kèm theo Văn kiện dự án, phi dự án và các tài liệu liên quan khác (nếu có); (Trường hợp dự án, phi dự án có quy mô vốn ODA không hoàn lại từ 200.000 đô la Mỹ trở xuống, người đứng đầu cơ quan chủ quản phê duyệt Văn kiện dự án, phi dự án và không bắt buộc phải lấy ý kiến của các cơ quan liên quan): 02 ngày. Bước 3: Các thành viên Hội đồng thẩm định hoặc các cơ quan chuyên môn có liên quan xem xét, gửi ý kiến thẩm định: 10 ngày. Bước 4: Căn cứ ý kiến thẩm định, Sở Tài chính tổng hợp ý kiến thẩm định: - Trường hợp cần chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, Sở Tài chính có văn bản đề nghị Nhà đầu tư chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện Hồ sơ theo quy định. - Trường hợp đủ điều kiện trình UBND tỉnh theo quy định, Sở Tài chính báo cáo trình UBND tỉnh. Thời hạn: 02 ngày Bước 5: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt: 03 ngày *Đối với dự án hỗ trợ kỹ thuật chuẩn bị dự án đầu tư do tỉnh quản lý, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phê duyệt văn kiện dự án. b) Đối với dự án, phi dự án quy định tại khoản 1 Điều 23 của Nghị định 114/2021/NĐ-CP Cơ quan chủ quản không tổ chức thẩm định. Người đứng đầu cơ quan chủ quản căn cứ Quyết định chủ trương thực hiện để quyết định phê duyệt Văn kiện dự án, phi dự án
5	Cách thức thực hiện	Thực hiện trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành Chính tỉnh Bắc Ninh và hệ thống quản lý văn bản điều hành
6	Thành phần, số lượng hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ: Văn kiện dự án, phi dự án b) Số lượng hồ sơ: 10 bộ
7	Thời hạn giải quyết	20 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ
8	Đối tượng thực hiện	1. Đối tượng: Chủ dự án
9	Cơ quan trực tiếp thực hiện	Sở Tài chính;
10	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	UBND tỉnh
11	Kết quả thực hiện	quyết định phê duyệt Văn kiện dự án, phi dự án.
12	Phí, lệ phí	Không quy định
13	Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Không quy định

14	Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Không có
----	-----------------------------------	----------

18. Phê duyệt Kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng.

1	Tên TTHC	Phê duyệt Kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng.
2	Lĩnh vực	ODA
3	Văn bản quy định	Luật Đầu tư công; Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài; Nghị định số 20/2023/NĐ-CP ngày 04/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 114/2021/NĐ-CP.
4	Trình tự thực hiện	Bước 1: Sở Tài chính tiếp nhận hồ sơ của Nhà đầu tư; kiểm tra, thẩm định tính hợp lệ của hồ sơ: 01 ngày làm việc. Bước 2: Sở Tài chính thẩm định hồ sơ: - Trường hợp cần chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, Sở Tài chính có văn bản đề nghị Nhà đầu tư chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện Hồ sơ theo quy định - Trường hợp đủ điều kiện trình UBND tỉnh theo quy định, Sở Tài chính lập báo cáo thẩm định trình UBND tỉnh. Thời hạn: 21 ngày làm việc. Bước 3: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt Kế hoạch: 03 ngày làm việc Bước 4: UBND tỉnh trả kết quả cho Sở Tài chính. Đồng thời, gửi Quyết định phê duyệt kèm theo kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án hàng năm cho Bộ Tài chính, các cơ quan liên quan và nhà tài trợ nước ngoài: 05 ngày làm việc.
5	Cách thức thực hiện	Thực hiện trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành Chính tỉnh Bắc Ninh và hệ thống quản lý văn bản điều hành
6	Thành phần, số lượng hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ: Kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ
7	Thời hạn giải quyết	Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày ký kết điều ước quốc tế cụ thể, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi
8	Đối tượng thực hiện	Chủ dự án
9	Cơ quan trực tiếp thực hiện	Sở Tài chính;
10	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	UBND tỉnh
11	Kết quả thực hiện	Quyết định phê duyệt Kế hoạch. Trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do

12	Phí, lệ phí	Không quy định
13	Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Không quy định
14	Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Không có

19. Kế hoạch thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng hàng năm.

1	Tên TTHC	Kế hoạch thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng hàng năm.
2	Lĩnh vực	ODA
3	Văn bản quy định	Luật Đầu tư công; Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài; Nghị định số 20/2023/NĐ-CP ngày 04/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 114/2021/NĐ-CP.
4	Trình tự thực hiện	Bước 1: Sở Tài chính tiếp nhận hồ sơ của Nhà đầu tư; kiểm tra, thẩm định tính hợp lệ của hồ sơ: 01 ngày làm việc. Bước 2: Sở Tài chính thẩm định hồ sơ: - Trường hợp cần chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, Sở Tài chính có văn bản đề nghị Nhà đầu tư chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện Hồ sơ theo quy định - Trường hợp đủ điều kiện trình UBND tỉnh theo quy định, Sở Tài chính lập báo cáo thẩm định trình UBND tỉnh. Thời hạn: 21 ngày làm việc. Bước 3: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt Kế hoạch: 03 ngày làm việc Bước 4: UBND tỉnh trả kết quả cho Sở Tài chính. Đồng thời, gửi Quyết định phê duyệt kèm theo kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án hàng năm cho Bộ Tài chính, các cơ quan liên quan và nhà tài trợ nước ngoài: 05 ngày làm việc.
5	Cách thức thực hiện	Thực hiện trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành Chính tỉnh Bắc Ninh và hệ thống quản lý văn bản điều hành
6	Thành phần, số lượng hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ: Kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ
7	Thời hạn giải quyết	Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày ký kết điều ước quốc tế cụ thể, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi
8	Đối tượng thực hiện	Chủ dự án
9	Cơ quan trực tiếp thực hiện	Sở Tài chính;
10	Cơ quan có thẩm quyền	UBND tỉnh

	quyết định	
11	Kết quả thực hiện	Quyết định phê duyệt Kế hoạch
12	Phí, lệ phí	Không quy định
13	Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Tờ trình đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án theo mẫu tại Phụ lục IVa kèm theo Nghị định 114/2021/NĐ-CP Báo cáo kết quả thẩm định nội bộ của cơ quan chủ quản về chủ trương đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi: Phụ lục Ivb (kèm theo Nghị định 114/2021/NĐ-CP) Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, dự án theo mẫu tại Phụ lục IIIa, IIIb, IIIc kèm theo Nghị định số 114/2021/NĐ-CP: <u>Phụ lục IIIc</u> kèm theo Nghị định số 114/2021/NĐ-CP
14	Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Không có

20. Quyết định chủ trương đầu tư các dự án đầu tư nhóm B, nhóm C sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài.

1	Tên TTHC	Kế hoạch thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng hằng năm.
2	Lĩnh vực	ODA
3	Văn bản quy định	- Luật Đầu tư công; - Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài; - Nghị định số 20/2023/NĐ-CP ngày 04/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 114/2021/NĐ-CP.
4	Trình tự thực hiện	Bước 1: Chủ tịch UBND cấp tỉnh giao cơ quan chuyên môn hoặc UBND cấp huyện lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án. Thời hạn: không quy định. Bước 2: Cơ quan được giao lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án nộp hồ sơ. Thời hạn: không quy định. Bước 3: Sở Tài chính tiếp nhận hồ sơ của Nhà đầu tư; kiểm tra, thẩm định tính hợp lệ của hồ sơ: 03 ngày làm việc. Bước 4: Sở Tài chính có văn bản gửi các thành viên Hội đồng thẩm định hoặc các cơ quan chuyên môn để lấy ý kiến thẩm định: 03 ngày Bước 5: Các thành viên Hội đồng thẩm định hoặc các cơ quan chuyên môn có liên quan xem xét, gửi ý kiến thẩm định: 15 ngày. Bước 6: Căn cứ ý kiến thẩm định, Sở Tài chính tổng hợp ý kiến thẩm định: - Trường hợp cần chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, Sở Tài chính có văn bản đề nghị Nhà đầu tư chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện Hồ sơ theo quy định - Trường hợp đủ điều kiện trình UBND tỉnh theo quy định, Sở Tài chính lập báo cáo thẩm định trình UBND tỉnh. Thời hạn: 06 ngày Bước 7: UBND cấp tỉnh xem xét, trình HĐND quyết định chủ trương đầu tư: 10

		ngày Bước 8: HĐND tỉnh xem xét quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: 05 ngày.
5	Cách thức thực hiện	Qua hệ thống quản lý văn bản điều hành
6	Thành phần, số lượng hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ: - Báo cáo kết quả thẩm định nội bộ của cơ quan chủ quản về chủ trương đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi - Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, dự án theo mẫu tại Phụ lục IIIa, IIIb, IIIc kèm theo Nghị định số 114/2021/NĐ-CP - Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện chương trình, dự án trong giai đoạn trước (đối với các chương trình, dự án thực hiện giai đoạn trước, tiếp tục thực hiện trong giai đoạn mới) - Tờ trình đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án theo mẫu tại Phụ lục IVa kèm theo Nghị định số 114/2021/NĐ-CP - Văn bản phê duyệt Đề xuất chương trình, dự án của cấp có thẩm quyền - Các tài liệu liên quan khác (nếu có) b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ
7	Thời hạn giải quyết	Thời gian thẩm định: 45 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.
8	Đối tượng thực hiện	Chủ dự án
9	Cơ quan trực tiếp thực hiện	Sở Tài chính;
10	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	UBND tỉnh
11	Kết quả thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương
12	Phí, lệ phí	Không quy định
13	Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	- Tờ trình đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án theo mẫu tại Phụ lục IVa kèm theo Nghị định 114/2021/NĐ-CP - Báo cáo kết quả thẩm định nội bộ của cơ quan chủ quản về chủ trương đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi: Phụ lục IVb (kèm theo Nghị định 114/2021/NĐ-CP) - Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, dự án theo mẫu tại Phụ lục IIIa, IIIb, IIIc kèm theo Nghị định số 114/2021/NĐ-CP: <u>Phụ lục IIIc</u> kèm theo Nghị định số 114/2021/NĐ-CP
14	Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Không có

21. Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt/điều chỉnh, sửa đổi văn kiện khoản viện trợ là chương trình, dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp tỉnh.

1	Tên TTHC	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt/điều chỉnh, sửa đổi văn kiện khoản viện trợ là chương trình, dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp tỉnh.
2	Lĩnh vực	NGO
3	Văn bản quy định	Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam.
4	Trình tự thực hiện	Bước 1: Chủ khoản viện trợ gửi Ủy ban nhân dân tỉnh văn bản đề nghị phê duyệt chương trình, dự án. Thời hạn: Không quy định. Bước 2: Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Tài chính thụ lý hồ sơ. Thời hạn: Không quy định. Bước 3: Sở Tài chính tiếp nhận hồ sơ; kiểm tra, thẩm định tính hợp lệ của hồ sơ: 03 ngày làm việc. Bước 4: Sở Tài chính có văn bản lấy ý kiến thẩm định đồng thời gửi bộ hồ sơ tới Sở Tài chính, Công an tỉnh và các sở, ban, ngành có chức năng liên quan ở địa phương để xin ý kiến: 03 ngày làm việc. - Trường hợp nội dung khoản viện trợ vượt quá thẩm quyền quản lý của địa phương, Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để gửi lấy ý kiến của các bộ, ngành có liên quan (01 ngày làm việc); UBND tỉnh có văn bản lấy ý kiến thẩm định của Bộ Tài chính và các bộ ngành có liên quan (02 ngày làm việc). Bước 5: Các cơ quan được lấy ý kiến cho ý kiến thẩm định về các nội dung theo đề nghị của Sở Tài chính hoặc UBND tỉnh: 10 ngày. Bước 6: Căn cứ ý kiến thẩm định, Sở Tài chính tổng hợp ý kiến thẩm định: - Trường hợp cần chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, Sở Tài chính có văn bản đề nghị Nhà đầu tư chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện Hồ sơ theo quy định. - Trường hợp đủ điều kiện trình UBND tỉnh theo quy định, Sở Tài chính lập báo cáo thẩm định trình UBND tỉnh. Thời hạn: 04 ngày Bước 7: Chủ tịch UBND cấp tỉnh xem xét, phê duyệt chương trình, dự án: không quy định.
5	Cách thức thực hiện	Qua hệ thống quản lý văn bản điều hành
6	Thành phần, số lượng hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ: - Văn bản báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thẩm định và trình xem xét, quyết định phê duyệt chương trình, dự án. - Văn bản đề nghị phê duyệt chương trình, dự án; - Văn bản nhất trí cung cấp viện trợ của Bên cung cấp viện trợ. - Văn kiện chương trình, dự án; - Giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân (không áp dụng với trường hợp Bên cung cấp viện trợ là các cơ quan đại diện ngoại giao, các cơ quan thuộc chính phủ, chính quyền địa phương nước ngoài). + Đối với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài đã đăng ký tại Việt Nam: Bản sao Giấy đăng ký do cơ quan nhà nước Việt Nam có thẩm quyền cấp;

		+ Đối với cá nhân cung cấp viện trợ: Bản sao công chứng hộ chiếu còn hiệu lực; + Đối với các bên cung cấp viện trợ khác: Bản sao công chứng giấy tờ hợp lệ chứng minh địa vị pháp lý của tổ chức. b) Số lượng hồ sơ: 06 bộ (trong đó có 01 bộ hồ sơ gốc).
7	Thời hạn giải quyết	Thời gian xem xét, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về chương trình, dự án kể từ ngày Sở Tài chính nhận đủ hồ sơ hợp lệ là không quá 20 ngày.
8	Đối tượng thực hiện	Tổ chức
9	Cơ quan trực tiếp thực hiện	Sở Tài chính;
10	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Chủ tịch UBND cấp tỉnh
11	Kết quả thực hiện	Thông báo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về chương trình, dự án.
12	Phí, lệ phí	Không quy định
13	Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Văn kiện chương trình, dự án theo mẫu tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam (có hiệu lực kể từ ngày 17/9/2020).
14	Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Không có

22. Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt/điều chỉnh, sửa đổi văn kiện khoản viện trợ là chương trình, dự án đầu tư sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp tỉnh.

1	Tên TTHC	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt/điều chỉnh, sửa đổi văn kiện khoản viện trợ là chương trình, dự án đầu tư sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp tỉnh.
2	Lĩnh vực	NGO
3	Văn bản quy định	- Luật Đầu tư công; - Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam.
4	Trình tự thực hiện	Bước 1: Chủ khoản viện trợ gửi Ủy ban nhân dân tỉnh văn bản đề nghị phê duyệt chương trình, dự án. Thời hạn: Không quy định. Bước 2: Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Tài chính thụ lý hồ sơ. Thời hạn: Không quy định Bước 3: Sở Tài chính tiếp nhận hồ sơ; kiểm tra, thẩm định tính hợp lệ của hồ sơ: 03 ngày làm việc. Bước 4: Sở Tài chính có văn bản lấy ý kiến thẩm định đồng thời gửi bộ hồ sơ tới Sở

		Tài chính, Công an tỉnh và các sở, ban, ngành có chức năng liên quan ở địa phương để xin ý kiến: 03 ngày làm việc. - Trường hợp nội dung khoản viện trợ vượt quá thẩm quyền quản lý của địa phương, Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để gửi lấy ý kiến của các bộ, ngành có liên quan (01 ngày làm việc); UBND tỉnh có văn bản lấy ý kiến thẩm định của Bộ Tài chính và các bộ ngành có liên quan (02 ngày làm việc) Bước 5: Các cơ quan được lấy ý kiến cho ý kiến thẩm định về các nội dung theo đề nghị của Sở Tài chính hoặc UBND tỉnh: 10 ngày. Bước 6: Căn cứ ý kiến thẩm định, Sở Tài chính tổng hợp ý kiến thẩm định: - Trường hợp cần chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, Sở Tài chính có văn bản đề nghị Nhà đầu tư chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện Hồ sơ theo quy định - Trường hợp đủ điều kiện trình UBND tỉnh theo quy định, Sở Tài chính lập báo cáo thẩm định trình UBND tỉnh. Thời hạn: 04 ngày Bước 7: Chủ tịch UBND cấp tỉnh xem xét, phê duyệt chương trình, dự án: không quy định.
5	Cách thức thực hiện	Qua hệ thống quản lý văn bản điều hành
6	Thành phần, số lượng hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ: - Văn bản báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thẩm định và trình xem xét, quyết định phê duyệt chương trình, dự án - Văn bản đề nghị phê duyệt chương trình, dự án; - Văn bản nhất trí cung cấp viện trợ của Bên cung cấp viện trợ - Văn kiện chương trình, dự án (Văn kiện chương trình, dự án phải được xây dựng theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư công và đầu tư xây dựng công trình) - Giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân (không áp dụng với trường hợp Bên cung cấp viện trợ là các cơ quan đại diện ngoại giao, các cơ quan thuộc chính phủ, chính quyền địa phương nước ngoài). + Đối với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài đã đăng ký tại Việt Nam: Bản sao Giấy đăng ký do cơ quan nhà nước Việt Nam có thẩm quyền cấp; + Đối với cá nhân cung cấp viện trợ: Bản sao công chứng hộ chiếu còn hiệu lực; + Đối với các bên cung cấp viện trợ khác: Bản sao công chứng giấy tờ hợp lệ chứng minh địa vị pháp lý của tổ chức. b) Số lượng hồ sơ: 06 bộ (trong đó có 01 bộ hồ sơ gốc).
7	Thời hạn giải quyết	Thời gian xem xét, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về chương trình, dự án kể từ ngày Sở Tài chính nhận đủ hồ sơ hợp lệ là không quá 20 ngày.
8	Đối tượng thực hiện	Tổ chức
9	Cơ quan trực tiếp thực hiện	Sở Tài chính;
10	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Chủ tịch UBND cấp tỉnh
11	Kết quả thực hiện	Thông báo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về chương trình, dự án.

12	Phí, lệ phí	Không quy định
13	Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Văn kiện chương trình, dự án theo mẫu tại Phụ lục II kèm theo Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam (có hiệu lực kể từ ngày 17/9/2020).
14	Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Không có

23. Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt/điều chỉnh, sửa đổi văn kiện khoản viện trợ phi dự án sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp tỉnh.

1	Tên TTHC	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt/điều chỉnh, sửa đổi văn kiện khoản viện trợ phi dự án sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp tỉnh.
2	Lĩnh vực	NGO
3	Văn bản quy định	Luật Đầu tư công; Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam.
4	Trình tự thực hiện	Bước 1: Chủ khoản viện trợ gửi Ủy ban nhân dân tỉnh văn bản đề nghị phê duyệt chương trình, dự án. Thời hạn: Không quy định. Bước 2: Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Tài chính thụ lý hồ sơ. Thời hạn: Không quy định Bước 3: Sở Tài chính tiếp nhận hồ sơ; kiểm tra, thẩm định tính hợp lệ của hồ sơ: 03 ngày làm việc. Bước 4: Sở Tài chính có văn bản lấy ý kiến thẩm định đồng thời gửi bộ hồ sơ tới Sở Tài chính, Công an tỉnh và các sở, ban, ngành có chức năng liên quan ở địa phương để xin ý kiến: 03 ngày làm việc. - Trường hợp nội dung khoản viện trợ vượt quá thẩm quyền quản lý của địa phương, Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để gửi lấy ý kiến của các bộ, ngành có liên quan (01 ngày làm việc); UBND tỉnh có văn bản lấy ý kiến thẩm định của Bộ Tài chính và các bộ ngành có liên quan (02 ngày làm việc) Bước 5: Các cơ quan được lấy ý kiến cho ý kiến thẩm định về các nội dung theo đề nghị của Sở Tài chính hoặc UBND tỉnh: 10 ngày. Bước 6: Căn cứ ý kiến thẩm định, Sở Tài chính tổng hợp ý kiến thẩm định: - Trường hợp cần chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, Sở Tài chính có văn bản đề nghị Nhà đầu tư chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện Hồ sơ theo quy định - Trường hợp đủ điều kiện trình UBND tỉnh theo quy định, Sở Tài chính lập báo cáo thẩm định trình UBND tỉnh. Thời hạn: 04 ngày Bước 7: Chủ tịch UBND cấp tỉnh xem xét, phê duyệt chương trình, dự án: không quy định.
5	Cách thức thực hiện	Thực hiện trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành Chính tỉnh Bắc Ninh

6	Thành phần, số lượng hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ: - Văn bản báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thẩm định và trình xem xét, quyết định phê duyệt phi dự án - Văn bản đề nghị phê duyệt phi dự án; - Văn bản nhất trí cung cấp viện trợ của Bên cung cấp viện trợ. - Văn kiện phi dự án; - Chứng thư giám định chất lượng hàng hóa được cấp bởi tổ chức giám định hợp pháp và đủ năng lực được Việt Nam hoặc nước sở tại công nhận. Chứng thư giám định phải nêu kết luận về chất lượng của hàng hóa, thiết bị, phương tiện vận tải đạt yêu cầu của tiêu chuẩn Việt Nam hoặc đáp ứng yêu cầu của tiêu chuẩn tương đương được Việt Nam chấp nhận. - Đối với khoản viện trợ phi dự án là các phương tiện vận tải đã qua sử dụng, cần có thêm các văn bản sau: bản dịch tiếng Việt đã được công chứng của bản đăng ký hoặc Giấy chứng nhận sở hữu phương tiện của Bên cung cấp viện trợ; bản dịch tiếng Việt đã được công chứng của giấy Chứng nhận đăng kiểm của cơ quan có thẩm quyền của nước Bên cung cấp viện trợ. Trong trường hợp có phương tiện tạm nhập tái xuất thì cần có Giấy Chứng nhận đăng kiểm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam - Giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân (không áp dụng với trường hợp Bên cung cấp viện trợ là các cơ quan đại diện ngoại giao, các cơ quan thuộc chính phủ, chính quyền địa phương nước ngoài). + Đối với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài đã đăng ký tại Việt Nam: Bản sao Giấy đăng ký do cơ quan nhà nước Việt Nam có thẩm quyền cấp; + Đối với cá nhân cung cấp viện trợ: Bản sao công chứng hộ chiếu còn hiệu lực; + Đối với các bên cung cấp viện trợ khác: Bản sao công chứng giấy tờ hợp lệ chứng minh địa vị pháp lý của tổ chức. b) Số lượng hồ sơ: 06 bộ (trong đó có 01 bộ hồ sơ gốc).
7	Thời hạn giải quyết	Thời gian xem xét, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về chương trình, dự án kể từ ngày Sở Tài chính nhận đủ hồ sơ hợp lệ là không quá 20 ngày.
8	Đối tượng thực hiện	Tổ chức
9	Cơ quan trực tiếp thực hiện	Sở Tài chính;
10	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Chủ tịch UBND cấp tỉnh
11	Kết quả thực hiện	Thông báo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về tiếp nhận phi dự án.
12	Phí, lệ phí	Không quy định
13	Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Văn kiện phi dự án theo mẫu tại Phụ lục III kèm theo Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam (có hiệu lực kể từ ngày 17/9/2020).
14	Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Không có

24. Thủ tục: Quyết định và công bố giá trị doanh nghiệp khi chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

1	Tên TTHC	Quyết định và công bố giá trị doanh nghiệp khi chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.
2	Lĩnh vực	lĩnh vực thành lập và sắp xếp lại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ
3	Văn bản quy định	- Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần; - Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần; Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp; - Nghị định 148/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ về quản lý sử dụng nguồn thu từ chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, nguồn thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước và chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại doanh nghiệp - Thông tư 46/2021/TT-BTC ngày 23/6/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần.
4	Trình tự thực hiện	Căn cứ Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp do tổ chức tư vấn định giá xây dựng, Ban Chỉ đạo có trách nhiệm thẩm tra về trình tự, thủ tục, tuân thủ các quy định của pháp luật về xác định giá trị doanh nghiệp, trình cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định. Thời gian thực hiện xử lý tài chính và tổ chức tư vấn định giá xác định giá trị doanh nghiệp (từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp) phải đảm bảo không quá 12 tháng; đối với các doanh nghiệp phải thực hiện Kiểm toán nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Nghị định này thời gian không quá 15 tháng. Trường hợp quá thời hạn trên chưa công bố được giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa, cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định điều chỉnh thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để tổ chức xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp theo quy định; đồng thời tiến hành kiểm điểm, xử lý trách nhiệm và bồi thường vật chất các chi phí phát sinh do các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc kéo dài thời gian công bố giá trị doanh nghiệp. 2. Cơ quan đại diện chủ sở hữu có trách nhiệm xem xét, quyết định và công bố giá trị doanh nghiệp trong thời hạn không quá 15 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận đủ hồ sơ (bao gồm cả Kết luận của Kiểm toán nhà nước đối với các

		doanh nghiệp quy định tại khoản 1 Điều 26 Nghị định này). 3. Trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan đại diện chủ sở hữu có quyết định công bố giá trị doanh nghiệp, doanh nghiệp cổ phần hóa có trách nhiệm bảo quản và bàn giao các khoản nợ và tài sản đã loại trừ khi xác định giá trị doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 14, khoản 2 và khoản 3 Điều 15 Nghị định này cho Công ty Mua bán nợ Việt Nam; đối với các tài sản khác, doanh nghiệp cổ phần hóa tiếp tục thực hiện theo dõi, quản lý, hạch toán theo giá trị sổ sách kế toán tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp.
5	Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua phần mềm Quản lý văn bản và Điều hành tỉnh Bắc Ninh
6	Thành phần, số lượng hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ: - Hồ sơ pháp lý về thành lập doanh nghiệp. - Hồ sơ pháp lý về tài sản, nguồn vốn, công nợ của doanh nghiệp. - Báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán thuế của công ty đến thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp. - Lập dự toán chi phí cổ phần hóa theo chế độ quy định. - Phương án sử dụng đất của doanh nghiệp đang quản lý phù hợp với quy định của pháp luật đất đai, pháp luật về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước trong từng thời kỳ đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. - Lập danh sách và phương án sử dụng lao động đang quản lý. - Lựa chọn phương pháp, hình thức xác định giá trị doanh nghiệp, lựa chọn thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp phù hợp với điều kiện của doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn có liên quan đến cổ phần hóa. b) Số lượng hồ sơ: 03 bộ
7	Thời hạn giải quyết	- Thời gian Sở Tài chính, trình UBND tỉnh: 338 ngày làm việc (bao gồm thời gian lấy ý kiến các sở, ngành) - Thời hạn UBND tỉnh ban hành Quyết định: 15 ngày làm việc
8	Đối tượng thực hiện	Sở Tài chính; cơ quan, đơn vị có liên quan
9	Cơ quan trực tiếp thực hiện	Sở Tài chính
10	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	UBND tỉnh Bắc Ninh
11	Kết quả thực hiện	Quyết định và công bố giá trị doanh nghiệp khi chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần.
12	Phí, lệ phí	Không quy định
13	Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Không quy định
14	Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Doanh nghiệp khi chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần khi đáp ứng đủ các điều kiện sau: a) Không thuộc diện Nhà nước cần nắm giữ 100% vốn điều lệ. Danh mục doanh nghiệp thuộc diện Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Thủ tướng Chính phủ quyết định trong từng thời kỳ; b) Còn vốn nhà nước sau khi đã được xử lý tài chính và đánh giá lại giá trị doanh nghiệp.

25. Thủ tục: Phê duyệt phương án cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh.

1	Tên TTHC	Phê duyệt phương án cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh.
2	Lĩnh vực	Lĩnh vực thành lập và sắp xếp lại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ
3	Văn bản quy định	- Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần; - Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần; Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp; - Nghị định 148/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ về quản lý sử dụng nguồn thu từ chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, nguồn thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước và chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại doanh nghiệp - Thông tư 46/2021/TT-BTC ngày 23/6/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần.
4	Trình tự thực hiện	*Xây dựng Phương án cổ phần hóa 1. Thành lập Ban Chỉ đạo và Tổ giúp việc. a) Căn cứ vào kế hoạch cổ phần hóa trong Danh mục sắp xếp doanh nghiệp nhà nước đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định cổ phần hóa quyết định thành lập Ban Chỉ đạo và kế hoạch, lộ trình triển khai công tác cổ phần hóa. b) Trưởng Ban Chỉ đạo lựa chọn và ra quyết định thành lập Tổ giúp việc cổ phần hóa trong thời gian 05 ngày làm việc, kể từ ngày có quyết định thành lập Ban Chỉ đạo. 2. Ban Chỉ đạo chỉ đạo Tổ giúp việc phối hợp cùng với doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ, tài liệu liên quan trình cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định phê duyệt dự toán chi phí cổ phần hóa, quyết định lựa chọn tư vấn cổ phần hóa theo chế độ quy định. 3. Tổ chức kiểm kê, xử lý những vấn đề về tài chính và tổ chức xác định giá trị doanh nghiệp. Doanh nghiệp phối hợp với tổ chức tư vấn tiến hành: a) Kiểm kê, phân loại tài sản và quyết toán tài chính, quyết toán thuế, phối

hợp với các cơ quan có liên quan xử lý những vấn đề về tài chính đến thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp.

b) Gửi phương án sử dụng đất đã được duyệt cùng toàn bộ hồ sơ có liên quan đến Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trên địa bàn đề xin ý kiến về giá đất làm căn cứ để xác định giá trị doanh nghiệp.

c) Tổ chức xác định giá trị doanh nghiệp.

Ban Chỉ đạo chỉ đạo Tổ giúp việc phối hợp cùng với doanh nghiệp và tổ chức tư vấn tổ chức xác định giá trị doanh nghiệp theo quy định. Trường hợp Tổ chức tư vấn có chức năng định giá thì có thể thuê trọn gói về lập phương án cổ phần hóa, xác định giá trị doanh nghiệp, tổ chức bán cổ phần.

4. Quyết định và công bố giá trị doanh nghiệp.

Ban Chỉ đạo thẩm tra kết quả kiểm kê, phân loại tài sản và kết quả xác định giá trị doanh nghiệp, báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định công bố giá trị doanh nghiệp.

Đối với các doanh nghiệp thuộc phạm vi thực hiện kiểm toán quy định tại khoản 1 Điều 26 Nghị định này, Ban Chỉ đạo trình cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định giá trị doanh nghiệp gửi văn bản và hồ sơ đề nghị cơ quan kiểm toán nhà nước thực hiện kiểm toán kết quả tư vấn định giá và xử lý các vấn đề tài chính trước khi chính thức công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa.

Quyết định công bố giá trị doanh nghiệp phải ghi rõ các khoản công nợ và tài sản đã loại trừ khi xác định giá trị doanh nghiệp để bàn giao sang Công ty Mua bán nợ Việt Nam quy định tại khoản 2 Điều 14, khoản 2 và khoản 3 Điều 15 Nghị định này.

5. Hoàn tất Phương án cổ phần hóa trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

a) Căn cứ quyết định công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa và tình hình thực tế của doanh nghiệp, Ban Chỉ đạo chỉ đạo Tổ giúp việc phối hợp cùng với doanh nghiệp, tổ chức tư vấn xây dựng Phương án cổ phần hóa doanh nghiệp. Phương án cổ phần hóa phải bao gồm các nội dung cơ bản như:

- Thực trạng của công ty ở thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp.
- Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp và những vấn đề cần tiếp tục xử lý.
- Hình thức cổ phần hóa và vốn điều lệ theo yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty cổ phần.
- Cơ cấu vốn điều lệ, giá khởi điểm và phương thức phát hành cổ phiếu theo quy định.
- Dự thảo Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty cổ phần theo các quy định của Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật hiện hành.
- Phương án sắp xếp lại lao động đã được cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt.

- Phương án hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 - 5 năm tiếp theo.

- Phương án sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Ban Chỉ đạo chỉ đạo Tổ giúp việc cùng với doanh nghiệp phối hợp với tổ chức tư vấn tổ chức công khai Phương án cổ phần hóa và gửi tới từng bộ phận trong công ty để nghiên cứu trước khi tổ chức Hội nghị người lao động (bắt buộc).

Sau Hội nghị người lao động, Tổ giúp việc, doanh nghiệp phối hợp với tổ chức tư vấn hoàn thiện Phương án cổ phần hóa để trình cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt.

c) Ban Chỉ đạo thẩm định phương án cổ phần hóa báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt phương án cổ phần hóa phê duyệt.

Đối với các doanh nghiệp có giá trị thực tế doanh nghiệp thấp hơn các khoản

		phải trả quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định này, cơ quan đại diện chủ sở hữu chỉ đạo Ban Chỉ đạo và doanh nghiệp phối hợp với Công ty Mua bán nợ Việt Nam và các chủ nợ của doanh nghiệp xây dựng phương án tái cơ cấu doanh nghiệp. Căn cứ tính hiệu quả và khả thi của phương án tái cơ cấu doanh nghiệp, cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định phê duyệt phương án tái cơ cấu để chuyển doanh nghiệp thành công ty cổ phần theo quy định.
5	Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua phần mềm Quản lý văn bản và Điều hành tỉnh Bắc Ninh
6	Thành phần, số lượng hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ: a) Thành phần hồ sơ: - Hồ sơ pháp lý về thành lập doanh nghiệp. - Hồ sơ pháp lý về tài sản, nguồn vốn, công nợ của doanh nghiệp. - Báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán thuế của công ty đến thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp. - Lập dự toán chi phí cổ phần hóa theo chế độ quy định. - Phương án sử dụng đất của doanh nghiệp đang quản lý phù hợp với quy định của pháp luật đất đai, pháp luật về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước trong từng thời kỳ đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. - Lập danh sách và phương án sử dụng lao động đang quản lý. - Lựa chọn phương pháp, hình thức xác định giá trị doanh nghiệp, lựa chọn thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp phù hợp với điều kiện của doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn có liên quan đến cổ phần hóa. b) Số lượng hồ sơ: 03 bộ
7	Thời hạn giải quyết	- Thời gian Sở Tài chính: không xác định thời gian (không có hướng dẫn thường gian thực hiện) - Thời hạn UBND tỉnh ban hành Quyết định: không xác định thời gian (không có hướng dẫn thường gian thực hiện)
8	Đối tượng thực hiện	Sở Tài chính; cơ quan, đơn vị có liên quan
9	Cơ quan trực tiếp thực hiện	Sở Tài chính
10	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	UBND tỉnh Bắc Ninh
11	Kết quả thực hiện	Quyết định phương án cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ
12	Phí, lệ phí	Không quy định
13	Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Không quy định
14	Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn Điều lệ được Hợp nhất, sáp nhập khi đáp ứng các Điều kiện sau: a) Không thuộc diện Nhà nước cần nắm giữ 100% vốn điều lệ. Danh mục doanh nghiệp thuộc diện Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Thủ tướng Chính phủ quyết định trong từng thời kỳ; b) Còn vốn nhà nước sau khi đã được xử lý tài chính và đánh giá lại giá trị

		doanh nghiệp.
--	--	---------------

26. Thủ tục: Thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt.

1	Tên TTHC	Thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt.
2	Lĩnh vực	Quản lý hoạt động đấu thầu triển khai thực hiện dự án đầu tư, dự toán mua sắm sử dụng ngân sách nhà nước.
3	Văn bản quy định	- Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023; Luật sửa đổi Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu (Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024); - Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; - Nghị định số 17/2025/NĐ-CP ngày 06/02/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu.
4	Trình tự thực hiện	- Sở Tài chính căn cứ vào các văn bản quy định xem xét, thẩm định hồ sơ, ban hành Báo cáo thẩm định: không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định. - Sở Tài chính lấy ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị có liên quan (nếu cần thiết): không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định. - Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu: trong thời gian không quá 03 ngày làm việc.
5	Cách thức thực hiện	Hồ sơ gửi thông qua Hệ thống Quản lý văn bản và Điều hành tỉnh Bắc Ninh
6	Thành phần, số lượng hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ: - Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt; - Quyết định hoặc văn bản quyết định chấp thuận áp dụng lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt. - Các văn bản theo quy định tại Điều 38 Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023 - Các loại văn bản, giấy tờ khác có liên quan (nếu có). b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ gửi qua Hệ thống văn bản điện tử của UBND tỉnh và Sở Tài chính.
7	Thời hạn giải quyết	- Thời gian Sở Tài chính thẩm định, trình UBND tỉnh: không quá 05 ngày làm việc và không quá 10 ngày làm việc trong trường hợp phải lấy ý kiến các sở, ngành, đơn vị. - Thời hạn UBND tỉnh ban hành Quyết định: không quá 03 ngày làm việc.
8	Đối tượng thực hiện	Sở Tài chính; Chủ đầu tư, cơ quan, đơn vị có liên quan
9	Cơ quan trực tiếp thực hiện	Sở Tài chính
10	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh
11	Kết quả thực hiện	Quyết định phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

12	Phí, lệ phí	Không quy định
13	Mẫu hồ sơ	Theo quy định của Luật đấu thầu, Nghị định, thông tư hướng dẫn có hiệu lực hiện hành.
14	Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục	Triển khai thực hiện dự án, dự toán mua sắm sử dụng vốn ngân sách nhà nước đảm bảo đầy đủ các trình tự, thủ tục theo quy định hiện hành làm cơ sở triển khai thực hiện các thủ tục.

27. Thủ tục: Ban hành quyết định cấm tham gia hoạt động đấu thầu trong phạm vi quản lý của địa phương.

1	Tên Thủ tục	Ban hành quyết định cấm tham gia hoạt động đấu thầu trong phạm vi quản lý của địa phương.
2	Lĩnh vực	Quản lý hoạt động đấu thầu triển khai thực hiện dự án đầu tư, dự toán mua sắm sử dụng ngân sách nhà nước.
3	Văn bản quy định	- Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023; Luật sửa đổi Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu (Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024); - Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; - Nghị định số 17/2025/NĐ-CP ngày 06/02/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu.
4	Trình tự thực hiện	- Tuỳ theo tính chất, mức độ vi phạm, người có thẩm quyền cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định tại khoản 4, điều 125 Luật Đấu thầu năm 2023 hoặc đề nghị Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch UBND cấp tỉnh xem xét, ban hành quyết định cấm tham gia hoạt động đấu thầu trong phạm vi quản lý của tỉnh. Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, ban hành quyết định cấm tham gia hoạt động đấu thầu trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị cấm tham gia hoạt động đấu thầu của người có thẩm quyền. - Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định cấm tham gia hoạt động đấu thầu trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị cấm tham gia hoạt động đấu thầu của người có thẩm quyền.
5	Cách thức thực hiện	Hồ sơ gửi thông qua Hệ thống Quản lý văn bản và Điều hành tỉnh Bắc Ninh.
6	Thành phần, số lượng hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ: - Hồ sơ, văn bản theo quy định tại khoản 4, điều 125, Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023; - Các tài liệu, giấy tờ khác có liên quan (nếu có). b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ gửi qua Hệ thống văn bản điện tử của UBND tỉnh và Sở Tài chính
7	Thời hạn giải quyết	- Thời hạn Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định: không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị cấm tham gia hoạt động đấu thầu của người có thẩm quyền.
8	Đối tượng thực hiện	Người có thẩm quyền, Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh; cơ quan, đơn vị có liên quan.
9	Cơ quan trực tiếp thực hiện	Người có thẩm quyền, UBND tỉnh Bắc Ninh.

10	Cấp có thẩm quyền quyết định	Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh.
11	Kết quả thực hiện	Quyết định cấm tham gia hoạt động đấu thầu.
12	Phí, lệ phí	Không quy định
13	Hồ sơ, mẫu biểu	Theo quy định của Luật đấu thầu, Nghị định, thông tư hướng dẫn có hiệu lực hiện hành, các quy định khác (nếu có).
14	Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục	Triển khai thực hiện các thủ tục đảm bảo đầy đủ các quy định của pháp luật về đấu thầu và các quy định có liên quan.

28. Thủ tục: Thẩm định và phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu cho dự án.

1	Tên Thủ tục	Thẩm định và phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu cho dự án.
2	Lĩnh vực	Quản lý hoạt động đấu thầu triển khai thực hiện dự án đầu tư, dự toán mua sắm sử dụng ngân sách nhà nước.
3	Văn bản quy định	- Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023; Luật sửa đổi Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu (Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024); - Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; - Nghị định số 17/2025/NĐ-CP ngày 06/02/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu.
4	Trình tự thực hiện	- Căn cứ quy mô, tính chất công tác đấu thầu của dự án, chủ đầu tư (trường hợp đã được xác định) có thể trình người có thẩm quyền xem xét chủ trương lập kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu cho dự án. Trường hợp chưa xác định được chủ đầu tư, cơ quan được giao chuẩn bị dự án có thể trình người có thẩm quyền xem xét chủ trương lập kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu cho dự án. - Trường hợp người có thẩm quyền đồng ý chủ trương lập kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu, chủ đầu tư hoặc cơ quan được giao chuẩn bị dự án trong trường hợp chưa xác định được chủ đầu tư (sau đây gọi là chủ đầu tư) tổ chức lập kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu trình thẩm định, báo cáo người có thẩm quyền xem xét, phê duyệt. - Sở Tài chính căn cứ vào các văn bản quy định xem xét, thẩm định hồ sơ, ban hành Báo cáo thẩm định kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu: không quá 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định. - Sở Tài chính lấy ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị có liên quan (nếu cần thiết): không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định. - Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định phê duyệt Kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu lựa chọn nhà thầu: trong thời gian không quá 05 ngày làm việc.
5	Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua phần mềm Quản lý văn bản và Điều hành tỉnh Bắc Ninh

6	Thành phần, số lượng hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ: - Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt; - Quyết định hoặc văn bản quyết định chấp thuận đồng ý chủ trương lập kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu của người có thẩm quyền - Các văn bản theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ - Các loại văn bản, giấy tờ khác có liên quan (nếu có). b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ gửi qua Hệ thống văn bản điện tử của UBND tỉnh và Sở Tài chính.
7	Thời hạn giải quyết	- Thời gian Sở Tài chính thẩm định, trình UBND tỉnh: không quá 12 ngày làm việc và không quá 17 ngày làm việc trong trường hợp phải lấy ý kiến các sở, ngành, đơn vị. - Thời hạn UBND tỉnh ban hành Quyết định: không quá 05 ngày làm việc.
8	Đối tượng thực hiện	Sở Tài chính; Chủ đầu tư, cơ quan, đơn vị có liên quan
9	Cơ quan trực tiếp thực hiện	Sở Tài chính; Chủ đầu tư, cơ quan, đơn vị có liên quan
10	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh
11	Kết quả thực hiện	Quyết định phê duyệt Kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu cho dự án.
12	Phí, lệ phí	Không quy định
13	Hồ sơ, biểu mẫu	Theo quy định của Luật đấu thầu, Nghị định, thông tư hướng dẫn có hiệu lực hiện hành, các quy định khác (nếu có).
14	Yêu cầu, điều kiện thực hiện Thủ tục	Triển khai thực hiện dự án, dự toán mua sắm sử dụng vốn ngân sách nhà nước đảm bảo đầy đủ các trình tự, thủ tục theo quy định hiện hành làm cơ sở triển khai thực hiện các thủ tục.

29. Thủ tục: Thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

1	Tên TTHC	Thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu.
2	Lĩnh vực	Quản lý hoạt động đấu thầu triển khai thực hiện dự án đầu tư, dự toán mua sắm sử dụng ngân sách nhà nước.
3	Văn bản quy định	- Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023; Luật sửa đổi Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu (Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024); - Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; - Nghị định số 17/2025/NĐ-CP ngày 06/02/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu.
4	Trình tự thực hiện	- Sở Tài chính căn cứ vào các văn bản quy định xem xét, thẩm định hồ sơ, ban hành Báo cáo thẩm định: không quá 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định. - Sở Tài chính lấy ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị có liên quan (nếu cần thiết): không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định. - Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà

		thầu: trong thời gian không quá 05 ngày làm việc.
5	Cách thức thực hiện	Hồ sơ gửi thông qua Hệ thống Quản lý văn bản và Điều hành tỉnh Bắc Ninh
6	Thành phần, số lượng hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ: - Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt; - Các văn bản theo quy định tại Điều 38 Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023 - Các loại văn bản, giấy tờ khác có liên quan (nếu có). b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ gửi qua Hệ thống văn bản điện tử của UBND tỉnh và Sở Tài chính.
7	Thời hạn giải quyết	- Thời gian Sở Tài chính thẩm định, trình UBND tỉnh: không quá 12 ngày làm việc và không quá 17 ngày làm việc trong trường hợp phải lấy ý kiến các sở, ngành, đơn vị. - Thời hạn UBND tỉnh ban hành Quyết định: không quá 05 ngày làm việc.
8	Đối tượng thực hiện	Sở Tài chính; Chủ đầu tư, cơ quan, đơn vị có liên quan
9	Cơ quan trực tiếp thực hiện	Sở Tài chính
10	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh
11	Kết quả thực hiện	Quyết định phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu.
12	Phí, lệ phí	Không quy định
13	Mẫu hồ sơ, tài liệu.	Theo quy định của Luật đấu thầu, Nghị định, thông tư hướng dẫn có hiệu lực hiện hành.
14	Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục	Triển khai thực hiện dự án, dự toán mua sắm sử dụng vốn ngân sách nhà nước đảm bảo đầy đủ các trình tự, thủ tục theo quy định hiện hành làm cơ sở triển khai thực hiện các thủ tục.

30. Thủ tục: Lựa chọn danh sách ngắn

1	Tên TTHC	Lựa chọn danh sách ngắn
2	Lĩnh vực	Lĩnh vực Đấu thầu lựa chọn nhà thầu
3	Văn bản quy định	- Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23/6/2023. - Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu. - Căn cứ Thông tư số 22/2024/TT-BKHĐT ngày 17/11/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. - Căn cứ Thông tư 23/2024/TT-BKHĐT ngày 31/12/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết mẫu hồ sơ yêu cầu, báo cáo đánh giá, báo cáo thẩm định, kiểm tra, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu.
4	Trình tự thực hiện	Bước 1. Lựa chọn danh sách ngắn a) Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, người có thẩm quyền quyết định áp dụng thủ tục lựa chọn danh sách ngắn. Việc áp dụng thủ tục lựa chọn danh

		sách ngắn phải được ghi trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu. b) Lựa chọn danh sách ngắn đối với đấu thầu rộng rãi: Chủ đầu tư, bên mời thầu thực hiện việc lập, thẩm định hồ sơ mời sơ tuyển, thông báo mời sơ tuyển, phát hành hồ sơ mời sơ tuyển, tiếp nhận và quản lý hồ sơ dự sơ tuyển, mở và đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển theo quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP. c) Lựa chọn danh sách ngắn đối với đấu thầu hạn chế: Chủ đầu tư xác định, danh sách ngắn gồm tối thiểu 03 nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu của gói thầu và có nhu cầu tham dự thầu. Trường hợp có ít hơn 03 nhà thầu đáp ứng yêu cầu thì xử lý tình huống theo quy định tại khoản 3 Điều 131 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ; Bước 2. Trình thẩm định danh sách ngắn a) Đối với đấu thầu rộng rãi - Trên cơ sở báo cáo kết quả đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển, bên mời thầu trình phê duyệt kết quả sơ tuyển, trong đó nêu rõ ý kiến của bên mời thầu về các nội dung đánh giá của tổ chuyên gia. - Kết quả sơ tuyển được thẩm định theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 130 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP. b) Đối với đấu thầu hạn chế: Không quy định. Bước 3. Phê duyệt danh sách ngắn a) Đối với đấu thầu rộng rãi Chủ đầu tư phê duyệt danh sách ngắn (kết quả sơ tuyển). Trường hợp lựa chọn được danh sách ngắn, văn bản phê duyệt kết quả sơ tuyển bao gồm tên các nhà thầu trúng sơ tuyển và các nội dung cần lưu ý (nếu có). Trường hợp không lựa chọn được danh sách ngắn, văn bản phê duyệt kết quả sơ tuyển phải nêu rõ lý do không lựa chọn được danh sách ngắn. b) Đối với đấu thầu hạn chế: Trên cơ sở xác định danh sách ngắn, chủ đầu tư phê duyệt danh sách ngắn gồm tối thiểu 03 nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu của gói thầu và có nhu cầu tham dự thầu. Trường hợp có ít hơn 03 nhà thầu đáp ứng yêu cầu thì xử lý tình huống theo quy định tại khoản 3 Điều 131 của Nghị định này; Bước 4. Công khai danh sách ngắn a) Đối với đấu thầu rộng rãi: Bên mời thầu đăng tải danh sách ngắn theo quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 4 Điều 8 của Luật Đấu thầu và thông báo đến các nhà thầu nộp hồ sơ dự sơ tuyển. b) Đối với đấu thầu hạn chế: Bên mời thầu đăng tải danh sách ngắn được đăng tải theo quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 4 Điều 8 của Luật Đấu thầu.
5	Cách thức thực hiện	Trực tiếp hoặc thực hiện thông qua Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh Bắc Ninh
6	Thành phần, số lượng hồ sơ	6.1. Thành phần hồ sơ: a) Đối với đấu thầu rộng rãi: - Hồ sơ trình thẩm định danh sách ngắn: + Tờ trình phê duyệt danh sách ngắn + Hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ dự sơ tuyển. + Báo cáo kết quả đánh giá. + Các tài liệu có liên quan. - Hồ sơ trình phê duyệt danh sách ngắn: + Tờ trình phê duyệt danh sách ngắn + Hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ dự sơ tuyển. + Báo cáo kết quả đánh giá.

		+ Báo cáo thẩm định kết quả sơ tuyển + Dự thảo quyết định phê duyệt danh sách ngắn + Các tài liệu có liên quan. b) Đối với đấu thầu hạn chế: Hồ sơ trình phê duyệt danh sách ngắn: - Văn bản xác định danh sách ngắn. - Dự thảo Quyết định phê duyệt danh sách ngắn. 6.2. Số lượng: Không quy định.
7	Thời hạn giải quyết	Theo tiến độ gói thầu.
8	Đối tượng thực hiện	Chủ đầu tư
9	Cơ quan trực tiếp thực hiện	Đơn vị được chủ đầu tư giao nhiệm vụ
10	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Chủ đầu tư
11	Kết quả thực hiện	Quyết định phê duyệt danh sách ngắn.
12	Phí, lệ phí	Chi phí thẩm định danh sách ngắn (đối với trường hợp hồ sơ mời sơ tuyển) được tính bằng 0,06% giá gói thầu nhưng tối thiểu là 2.000.000 đồng và tối đa là 30.000.000 đồng (điểm b khoản 4 Điều 12 Nghị định 24/2024/NĐ-CP).
13	Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	- Hồ sơ mời sơ tuyển qua mạng áp dụng theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 22/2024/TT-BKHĐT ngày 17/11/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. - Đối với hồ sơ mời sơ tuyển không qua mạng, chủ đầu tư chỉnh sửa các mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 22/2024/TT-BKHĐT ngày 17/11/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư của Bộ Kế hoạch và Đầu tư để phù hợp với cách thức tổ chức lựa chọn nhà thầu không qua mạng. - Mẫu báo cáo thẩm định hồ sơ mời sơ tuyển, thẩm định kết quả đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển được vận dụng các mẫu ban hành theo Thông tư số 23/2024/TT-BKHĐT ngày 31/12/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư trên cơ sở bảo đảm không trái quy định của Luật Đấu thầu, Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.
14	Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Đáp ứng các quy định về bảo đảm cạnh tranh theo Điều Luật đấu thầu năm 2023

31. Thủ tục: Thẩm định, phê duyệt hồ sơ mời thầu.

1	Tên TTHC	Thẩm định, phê duyệt hồ sơ mời thầu.
2	Lĩnh vực	Lĩnh vực Đấu thầu lựa chọn nhà thầu
3	Văn bản quy định	- Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23/6/2023. - Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu. - Căn cứ Thông tư số 22/2024/TT-BKHĐT ngày 17/11/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. - Căn cứ Thông tư 23/2024/TT-BKHĐT ngày 31/12/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết mẫu hồ sơ yêu cầu, báo cáo đánh giá, báo cáo thẩm

		định, kiểm tra, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu.
4	Trình tự thực hiện	Bước 1. Lập hồ sơ mời thầu Chủ đầu tư tổ chức lập hồ sơ mời thầu. Căn cứ lập hồ sơ mời thầu, nội dung hồ sơ mời thầu theo quy định tại Điều 61 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP. Bước 2. Thẩm định hồ sơ mời thầu. Chủ đầu tư tổ chức thẩm định hồ sơ mời thầu. Nội dung thẩm định hồ sơ mời thầu theo quy định tại khoản 2 Điều 129 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP. Bước 3. Phê duyệt hồ sơ mời thầu: Căn cứ vào tờ trình phê duyệt, báo cáo thẩm định hồ sơ mời thầu, chủ đầu tư phê duyệt hồ sơ mời thầu.
5	Cách thức thực hiện	Trực tiếp hoặc thực hiện thông qua Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh Bắc Ninh
6	Thành phần, số lượng hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ: - Tờ trình đề nghị thẩm định hồ sơ mời thầu; - Dự thảo hồ sơ mời thầu; - Quyết định phê duyệt dự án (nếu có), quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu; - Tài liệu khác có liên quan b) Số lượng hồ sơ: Không quy định.
7	Thời hạn giải quyết	Theo tiến độ gói thầu.
8	Đối tượng thực hiện	Chủ đầu tư
9	Cơ quan trực tiếp thực hiện	Đơn vị được chủ đầu tư giao nhiệm vụ
10	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Chủ đầu tư
11	Kết quả thực hiện	- Báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ mời thầu. - Quyết định phê duyệt hồ sơ mời thầu.
12	Phí, lệ phí	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu được tính bằng 0,1% giá gói thầu nhưng tối thiểu là 2.000.000 đồng và tối đa là 60.000.000 đồng (điểm d khoản 4 Điều 12 Nghị định 24/2024/NĐ-CP)
13	Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	13.1 Mẫu hồ sơ mời thầu và quyết định phê duyệt hồ sơ mời thầu ban hành kèm theo Thông tư số 22/2024/TT-BKHĐT ngày 17/11/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư 13.2 Mẫu báo cáo thẩm định hồ sơ mời thầu ban hành kèm theo Thông tư số 23/2024/TT-BKHĐT ngày 31/12/2024
14	Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Không quy định.

32. Thủ tục: Thẩm định, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu

1	Tên TTHC	Thẩm định, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu
2	Lĩnh vực	Lĩnh vực Đấu thầu lựa chọn nhà thầu
3	Văn bản quy định	- Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23/6/2023. - Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu. - Căn cứ Thông tư số 22/2024/TT-BKHĐT ngày 17/11/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. - Căn cứ Thông tư 23/2024/TT-BKHĐT ngày 31/12/2024 của Bộ Kế hoạch và

		Đầu tư quy định chi tiết mẫu hồ sơ yêu cầu, báo cáo đánh giá, báo cáo thẩm định, kiểm tra, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu.
4	Trình tự thực hiện	<i>Bước 1: Lập tờ trình đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu</i> Trên cơ sở báo cáo kết quả đánh giá hồ sơ dự thầu, bên mời thầu trình kết quả lựa chọn nhà thầu gồm các nội dung quy định tại khoản 5 Điều 30 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP, trong đó nêu rõ ý kiến của bên mời thầu về các nội dung đánh giá của tổ chuyên gia. <i>Bước 2: Thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu</i> Chủ đầu tư tổ chức thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu. Nội dung thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định tại khoản 4 Điều 130 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP <i>Bước 3: Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu:</i> Chủ đầu tư phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu trên cơ sở tờ trình phê duyệt, báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu. Trường hợp lựa chọn được nhà thầu trúng thầu, văn bản phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu bao gồm các nội dung theo quy định tại khoản 4 Điều 31 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP <i>Bước 4: Công khai kết quả lựa chọn nhà thầu:</i> Sau khi có quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, chủ đầu tư đăng tải thông tin về kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định tại điểm a khoản 1 và khoản 4 Điều 8 của Luật Đấu thầu; gửi văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu cho các nhà thầu tham dự thầu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt. Nội dung thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định tại khoản 6 Điều 31 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP
5	Cách thức thực hiện	Trực tiếp hoặc thực hiện thông qua Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh Bắc Ninh
6	Thành phần, số lượng hồ sơ	6.1 Thành phần hồ sơ: <i>a) Hồ sơ trình thẩm định gồm:</i> - Tờ trình đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của bên mời thầu, trong đó phải nêu rõ ý kiến của bên mời thầu đối với các ý kiến, đề xuất, kiến nghị của tổ chuyên gia; - Báo cáo kết quả đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất của tổ chuyên gia; - Biên bản thương thảo hợp đồng (nếu có); - Bản chụp các hồ sơ, tài liệu: Hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, biên bản mở thầu, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất của các nhà thầu và các tài liệu khác có liên quan; trường hợp đã tiến hành thẩm định danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật thì chỉ gửi biên bản mở hồ sơ đề xuất về tài chính và bản chụp hồ sơ đề xuất về tài chính của các nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật. <i>b) Hồ sơ trình phê duyệt gồm:</i> - Các tài liệu nêu tại Mục a - Báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu của đơn vị thẩm định - Dự thảo Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu 6.2 Số lượng hồ sơ: Không quy định.
7	Thời hạn giải quyết	Theo tiến độ gói thầu.
8	Đối tượng thực hiện	Chủ đầu tư
9	Cơ quan trực tiếp thực hiện	Đơn vị được chủ đầu tư giao nhiệm vụ
10	Cơ quan có thẩm quyền	Chủ đầu tư

	quyết định	
11	Kết quả thực hiện	- Báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu. - Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu. - Thông tin được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.
12	Phí, lệ phí	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu được tính bằng 0,1% giá gói thầu nhưng tối thiểu là 3.000.000 đồng và tối đa là 60.000.000 đồng (khoản 6 Điều 12 Nghị định 24/2024/NĐ-CP).
13	Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	13.1 Mẫu tờ trình, quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu theo phụ lục kèm theo tại Thông tư số 22/2024/TT-BKHĐT ngày 17/11/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư 13.2 Mẫu báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu ban hành kèm theo Thông tư số 23/2024/TT-BKHĐT ngày 31/12/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư
14	Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Không quy định.

33. Thủ tục: Lập, phê duyệt bảng theo dõi tiến độ thực hiện các hoạt động lựa chọn nhà đầu tư

1	Tên TTHC	Lập, phê duyệt bảng theo dõi tiến độ thực hiện các hoạt động lựa chọn nhà đầu tư
2	Lĩnh vực	Lĩnh vực Đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư
3	Văn bản quy định	- Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23/6/2023. - Nghị định số 23/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực; - Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành
4	Trình tự thực hiện	- Cơ quan chuyên môn lập bảng theo dõi tiến độ thực hiện các hoạt động lựa chọn nhà đầu tư báo cáo trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. - Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt bảng theo dõi tiến độ thực hiện các hoạt động lựa chọn nhà đầu tư. - Cơ quan chuyên môn căn cứ quyết định phê duyệt bảng theo dõi tiến độ thực hiện các hoạt động lựa chọn nhà đầu tư để đăng tải lên trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.
5	Cách thức thực hiện	- Trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. - Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh Bắc Ninh
6	Thành phần, số lượng hồ sơ	Không quy định
7	Thời hạn giải quyết	Không quy định
8	Đối tượng thực hiện	Cơ quan chuyên môn
9	Cơ quan trực tiếp thực hiện	Cơ quan chuyên môn
10	Cơ quan có thẩm quyền	Chủ tịch UBND tỉnh

	quyết định	
11	Kết quả thực hiện	Quyết định phê duyệt bảng theo dõi tiến độ thực hiện các hoạt động lựa chọn nhà đầu tư
12	Phí, lệ phí	Không quy định
13	Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Không quy định
14	Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Không quy định.

34. Thủ tục: Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời thầu (trong lựa chọn nhà đầu tư)

1	Tên TTHC	Thẩm định, phê duyệt hồ sơ mời thầu.
2	Lĩnh vực	Lĩnh vực Đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư
3	Văn bản quy định	- Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23/6/2023. - Nghị định số 23/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực; - Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành
4	Trình tự thực hiện	- Căn cứ báo cáo kết quả đánh giá hồ sơ mời thầu lựa chọn nhà đầu tư, bên mời thầu lập tờ trình phê duyệt hồ sơ mời thầu lựa chọn nhà đầu tư trình người đứng đầu cơ quan chuyên môn, cơ quan trực thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện (đối với các dự án được giao làm Bên mời thầu) (Thực hiện theo Quyết định số 192/QĐ-UBND ngày 12/02/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh v/v ủy quyền cho người đứng đầu cơ quan chuyên môn, cơ quan trực thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện phê duyệt hồ sơ mời thầu. - Người đứng đầu cơ quan chuyên môn, cơ quan trực thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện có trách nhiệm thành lập tổ thẩm định hoặc giao nhiệm vụ cho một đơn vị trực thuộc để tổ chức thẩm định hồ sơ mời thầu lựa chọn nhà đầu tư theo quy định. - Căn cứ tờ trình phê duyệt và báo cáo thẩm định hồ sơ mời thầu lựa chọn nhà đầu tư, Người đứng đầu cơ quan chuyên môn, cơ quan trực thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện phê duyệt hồ sơ mời thầu lựa chọn nhà đầu tư.
5	Cách thức thực hiện	Trực tiếp hoặc thực hiện thông qua Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh Bắc Ninh
6	Thành phần, số lượng hồ sơ	Không quy định
7	Thời hạn giải quyết	Không quy định
8	Đối tượng thực hiện	Chủ đầu tư
9	Cơ quan trực tiếp thực hiện	Đơn vị được Người đứng đầu cơ quan chuyên môn, cơ quan trực thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện giao nhiệm vụ
10	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Người đứng đầu cơ quan chuyên môn, cơ quan trực thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện
11	Kết quả thực hiện	Quyết định phê duyệt hồ sơ mời thầu.
12	Phí, lệ phí	Không quy định
13	Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Không quy định
14	Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Không quy định.

35. Thủ tục: Lựa chọn danh sách ngắn đối với đấu thầu hạn chế (trong lựa chọn nhà đầu tư)

1	Tên TTHC	Lựa chọn danh sách ngắn đối với đấu thầu hạn chế (trong lựa chọn nhà đầu tư)
2	Lĩnh vực	Lĩnh vực Đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư
3	Văn bản quy định	- Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23/6/2023. - Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất.
4	Trình tự thực hiện	<i>Bước 1. Lựa chọn danh sách ngắn:</i> Chủ đầu tư xác định, danh sách ngắn gồm tối thiểu 03 nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu của dự án đầu tư có sử dụng đất và có nhu cầu tham dự thầu, trình người có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp có ít hơn 03 nhà thầu đáp ứng yêu cầu thì xử lý tình huống theo quy định tại khoản 2 Điều 59 của Nghị định số 115/2024/NĐ-CP; <i>Bước 2. Trình thẩm định danh sách ngắn:</i> Không quy định. <i>Bước 3. Phê duyệt danh sách ngắn:</i> Trình người có thẩm quyền phê duyệt <i>Bước 4. Công khai danh sách ngắn:</i> Bên mời thầu đăng tải danh sách ngắn được đăng tải theo quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 4 Điều 8 của Luật Đấu thầu.
5	Cách thức thực hiện	Trực tiếp hoặc thực hiện thông qua Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh Bắc Ninh
6	Thành phần, số lượng hồ sơ	<i>6.1. Thành phần hồ sơ:</i> Hồ sơ trình phê duyệt danh sách ngắn: - Văn bản xác định danh sách ngắn. - Dự thảo Quyết định phê duyệt danh sách ngắn. <i>6.2. Số lượng:</i> Không quy định.
7	Thời hạn giải quyết	Theo tiến độ gói thầu.
8	Đối tượng thực hiện	Chủ đầu tư
9	Cơ quan trực tiếp thực hiện	Đơn vị được chủ đầu tư giao nhiệm vụ
10	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Người có thẩm quyền
11	Kết quả thực hiện	Quyết định phê duyệt danh sách ngắn.
12	Phí, lệ phí	Không quy định
13	Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Không quy định
14	Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Không quy định

36. Thủ tục: Phê duyệt danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật

1	Tên TTHC	Phê duyệt danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật
---	----------	--

2	Lĩnh vực	Lĩnh vực Đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư
3	Văn bản quy định	- Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23/6/2023. - Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất.
4	Trình tự thực hiện	<i>Bước 1. Phê duyệt danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật:</i> Được bên mời thầu phê duyệt bằng văn bản căn cứ vào tờ trình phê duyệt danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật của tổ chuyên gia; <i>Bước 2. Trình thẩm định Phê duyệt danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật:</i> Không quy định. <i>Bước 3. Phê duyệt danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật:</i> Chủ đầu tư <i>Bước 4. Công khai Phê duyệt danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật:</i> Bên mời thầu thông báo danh sách các nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật đến tất cả các nhà đầu tư tham dự thầu và mời các nhà đầu tư tham dự thầu mở hồ sơ đề xuất về tài chính, trong đó nêu rõ thời gian, địa điểm mở hồ sơ đề xuất tài chính.
5	Cách thức thực hiện	Trực tiếp thực hiện
6	Thành phần, số lượng hồ sơ	<i>6.1. Thành phần hồ sơ:</i> Phê duyệt danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật: - Văn bản xác định sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật. - Dự thảo Quyết định Phê duyệt danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật. <i>6.2. Số lượng:</i> Không quy định.
7	Thời hạn giải quyết	Theo tiến độ gói thầu.
8	Đối tượng thực hiện	Chủ đầu tư
9	Cơ quan trực tiếp thực hiện	Đơn vị được chủ đầu tư giao nhiệm vụ
10	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Chủ đầu tư
11	Kết quả thực hiện	Quyết định phê duyệt danh sách ngắn.
12	Phí, lệ phí	Không quy định
13	Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Không quy định
14	Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Không quy định

37. Thủ tục: Lập, phê duyệt hồ sơ mời quan tâm (HSMQT)

1	Tên TTHC	Lập, phê duyệt hồ sơ mời quan tâm
---	----------	-----------------------------------

2	Lĩnh vực	Đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư
3	Văn bản quy định	Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15; Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất.
4	Trình tự thực hiện	Bên mời quan tâm (Cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND tỉnh; Ban QLDA dân dụng và phát triển đô thị; UBND cấp huyện) ... giao tổ chuyên gia lập hồ sơ mời quan tâm.
5	Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua Quyết định giao nhiệm vụ (hoặc Hợp đồng tư vấn) của bên mời quan tâm.
6	Căn cứ lập HSMQT	Theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 5 Điều 13 Nghị định số 115/2024/NĐ-CP.
7	Nội dung HSMQT	Theo quy định tại khoản 2 Điều 39 Nghị định số 115/2024/NĐ-CP.
8	Thời hạn giải quyết	Theo quy định tại khoản 3 Điều 49 Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15
9	Đối tượng thực hiện	Bên mời quan tâm; Tổ chuyên gia, đơn vị có liên quan
10	Cơ quan trực tiếp thực hiện	Bên mời quan tâm
11	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Bên mời quan tâm (theo quy định tại Điều 1 Quyết định số 192/QĐ-UBND ngày 12/02/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh).
12	Kết quả thực hiện	Quyết định phê duyệt HSMQT của Người đứng đầu bên mời quan tâm
13	Chi phí	12.1. Trường hợp Bên mời quan tâm trực tiếp thực hiện: Chi phí lập hồ sơ mời quan tâm được tính bằng 0,05% tổng vốn đầu tư nhưng không quá 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng. Trường hợp tổ chức lại việc lựa chọn nhà đầu tư, chi phí lập hồ sơ mời quan tâm được tính tối đa bằng 50% mức chi đã thực hiện. 12.2. Trường hợp bên mời quan tâm thuê tư vấn để thực hiện lập HSMQT khi nhân sự của mình không đủ năng lực để thực hiện: - Chi phí được xác định căn cứ nội dung, phạm vi công việc, thời gian thực hiện, năng lực, kinh nghiệm của chuyên gia tư vấn, định mức lương theo quy định của pháp luật và các yếu tố khác; - Trường hợp không có quy định về định mức lương chuyên gia thì căn cứ thống kê kinh nghiệm đối với các chi phí đã chi trả cho chuyên gia tại các dự án tương tự đã thực hiện trong khoảng thời gian xác định hoặc trong tổng vốn đầu tư.
14	Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Không quy định.

38. Thủ tục: Trình, phê duyệt và công khai kết quả mời quan tâm (MQT)

1	Tên TTHC	Trình, phê duyệt và công khai kết quả mời quan tâm
2	Lĩnh vực	Đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư

3	Văn bản quy định	Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15; Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất.
4	Trình tự thực hiện	Bên mời quan tâm (Cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND tỉnh; Ban QLDA dân dụng và phát triển đô thị; UBND cấp huyện) ... gửi Tờ trình đề nghị phê duyệt kết quả MQT và các tài liệu liên quan trình Chủ tịch UBND tỉnh. Bên mời quan tâm công khai kết quả MQT trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.
5	Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua phần mềm Quản lý văn bản và điều hành tỉnh Bắc Ninh
6	Thành phần, số lượng hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ: - Tờ trình đề nghị phê duyệt kết quả MQT của bên mời quan tâm; - Báo cáo kết quả đánh giá hồ sơ đăng ký thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất; - Bản chụp các hồ sơ, tài liệu: HSMQT, biên bản đóng thầu, mở thầu, hồ sơ dự thầu của các nhà đầu tư đáp ứng điều kiện mời quan tâm và những tài liệu khác có liên quan. b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
7	Nội dung đề nghị phê duyệt kết quả MQT	a) Đối với dự án có từ hai nhà đầu tư trở lên đáp ứng điều kiện mời quan tâm thì tổ chức đấu thầu rộng rãi lựa chọn nhà đầu tư b) Trường hợp chỉ có một nhà đầu tư đăng ký và đáp ứng điều kiện mời quan tâm hoặc có nhiều nhà đầu tư đăng ký nhưng chỉ có một nhà đầu tư đáp ứng điều kiện mời quan tâm thì thực hiện thủ tục chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư; c) Trường hợp không có nhà đầu tư quan tâm hoặc không có nhà đầu tư đáp ứng điều kiện mời quan tâm, có văn bản thông báo về kết thúc thủ tục mời quan tâm
8	Phê duyệt kết quả MQT	a) Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt bảng theo dõi tiến độ các hoạt động lựa chọn nhà đầu tư theo quy định tại Điều 12 của Nghị định số 115/2024/NĐ-CP. b) Chủ tịch UBND tỉnh chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư. c) Thông báo bằng văn bản về việc kết thúc thủ tục mời quan tâm và xem xét quyết định thực hiện một trong hai thủ tục sau: a) Thực hiện lại thủ tục mời quan tâm (theo quy trình thủ tục 13) trong thời hạn do người có thẩm quyền quyết định. b) Rà soát, chỉnh sửa hồ sơ mời quan tâm và thực hiện lại thủ tục mời quan tâm.
9	Công khai kết quả MQT	Căn cứ quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh tại một trong trường hợp nêu tại mục 8 trên đây, bên mời quan tâm có trách nhiệm đăng tải kết quả mời quan tâm, bảng theo dõi tiến độ thực hiện các hoạt động lựa chọn nhà đầu tư hoặc văn bản thông báo về việc kết thúc thủ tục mời quan tâm trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.
10	Thời hạn giải quyết	Theo quy định của Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15, Nghị định số 115/2024/NĐ-CP và quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh.
11	Đối tượng thực hiện	Chủ tịch UBND tỉnh, Bên mời thầu, Bên mời quan tâm; đơn vị có liên quan
12	Cơ quan trực tiếp thực hiện	Bên mời thầu, Bên mời quan tâm

13	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	UBND tỉnh
14	Kết quả thực hiện	Quyết định phê duyệt kết quả MQT của Chủ tịch UBND tỉnh; Văn bản thông báo kết quả MQT của Người đứng đầu bên MQT
15	Chi phí	Theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 115/2024/NĐ-CP
16	Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Không quy định.

39. Thủ tục: Giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách

1	Tên TTHC	Giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách
2	Lĩnh vực	Tài chính
3	Văn bản quy định	Luật Ngân sách nhà nước; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước; Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ ban hành quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm; Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.
4	Trình tự thực hiện	Căn cứ dự toán ngân sách địa phương được HĐND tỉnh quyết nghị, Sở Tài chính trình UBND tỉnh ban hành quyết định giao dự toán thu, chi ngân sách cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc tỉnh.
5	Cách thức thực hiện	Trực tuyến qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc.
6	Thành phần, số lượng hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ: - Tờ trình của Sở Tài chính; - Dự thảo Quyết định của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách. b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
7	Thời hạn giải quyết	Không quy định Thời điểm giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách: Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định dự toán ngân sách địa phương hằng năm.
8	Đối tượng thực hiện	HĐND tỉnh.
9	Cơ quan trực tiếp thực hiện	UBND tỉnh; Sở Tài chính
10	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	UBND tỉnh.
11	Kết quả thực hiện	Quyết định của UBND tỉnh.

12	Phí, lệ phí	Không quy định
13	Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Không quy định
14	Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Không quy định

40. Thủ tục: Xét duyệt, thẩm định và thông báo kết quả xét duyệt quyết toán năm

1	Tên TTHC	Xét duyệt, thẩm định và thông báo kết quả xét duyệt quyết toán năm
2	Lĩnh vực	Tài chính
3	Văn bản quy định	+ Luật Ngân sách Nhà nước; + Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; + Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017 của Bộ Tài chính quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm. + Nghị quyết số 53/2017/NQ-HĐND ngày 12/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh về việc quy định thời hạn phê chuẩn báo cáo quyết toán ngân sách, biểu mẫu và thời gian gửi báo cáo ngân sách. + Quyết định số 21/2017/QĐ-UBND ngày 09/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh về Ban hành Quy định một số nội dung theo quy định tại Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.
4	Trình tự thực hiện	1. Bước 1: Lập, tổng hợp và gửi báo cáo quyết toán năm + <i>Đối với đơn vị dự toán cấp trên của đơn vị sử dụng ngân sách:</i> Đơn vị dự toán cấp trên tổng hợp và lập báo cáo quyết toán năm, báo cáo tài chính năm của đơn vị mình (nếu có) và của các đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc đã được xét duyệt theo quy định tại Thông tư số 137/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính, Quyết định số 21/2017/NQ-HĐND ngày 09/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh, gửi đơn vị dự toán cấp trên trực tiếp. + <i>Đối với đơn vị dự toán cấp I:</i> Đơn vị dự toán cấp I tổng hợp và lập báo cáo quyết toán năm, báo cáo tài chính năm của đơn vị mình (nếu có) và của các đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc đã được xét duyệt theo quy định tại Thông tư này, gửi cơ quan tài chính cùng cấp. Trường hợp đơn vị dự toán cấp I đồng thời là đơn vị sử dụng ngân sách thì lập theo các mẫu biểu như quy định đối với đơn vị sử dụng ngân sách. Ngoài ra, đơn vị dự toán cấp I lập báo cáo thuyết minh quyết toán năm so với dự toán, trong đó đánh giá kết quả, hiệu quả chi ngân sách gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ của đơn vị, lĩnh vực, chương trình, mục tiêu được giao phụ trách gửi cơ quan tài chính cùng cấp (theo Mẫu biểu số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 137/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính). + <i>Cơ quan tài chính các cấp:</i> Cơ quan tài chính các cấp tổng hợp, lập và gửi báo cáo quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và quyết toán thu, chi ngân sách địa phương theo quy định tại khoản 6, 7 và 8 Điều 44 Nghị định số

163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước và Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, Nghị định 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017.

2. Bước 2: Thông báo kế hoạch thẩm định

+ *Đối với đơn vị dự toán cấp trên của đơn vị sử dụng ngân sách:* Trước khi xét duyệt quyết toán năm, Thủ trưởng đơn vị dự toán cấp trên gửi thông báo kế hoạch xét duyệt quyết toán cho các đơn vị dự toán trực thuộc.

+ *Đối với đơn vị dự toán cấp I:* Trước khi xét duyệt quyết toán năm, Thủ trưởng đơn vị dự toán cấp I gửi thông báo kế hoạch xét duyệt quyết toán cho các đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc.

+ *Cơ quan tài chính các cấp:* Trước khi thẩm định, xét duyệt quyết toán năm, Thủ trưởng thủ trưởng cơ quan tài chính các cấp gửi thông báo kế hoạch xét duyệt quyết toán cho các đơn vị trực thuộc.

3. Bước 3: Tiến hành xét duyệt, thẩm định quyết toán

Trên cơ sở báo cáo, tài liệu đơn vị cung cấp và chịu trách nhiệm, cơ quan thẩm định, xét duyệt quyết toán thực hiện các nội dung sau:

+ *Đối với đơn vị được xét duyệt quyết toán:*

Kiểm tra danh mục báo cáo quyết toán năm và danh mục báo cáo tài chính quy định tại khoản 1 và 2 Điều 3 Thông tư số 137/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính; trường hợp chưa đầy đủ thì đề nghị đơn vị được xét duyệt gửi bổ sung; Kiểm tra các khoản thu, chi phát sinh tại đơn vị (theo điểm b, khoản 1 Điều 6 theo Thông tư số 137/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính);

Kiểm tra việc hạch toán các khoản thu, chi theo đúng mục lục ngân sách nhà nước và niên độ ngân sách; khớp đúng giữa số liệu trong sổ kế toán và báo cáo quyết toán với chứng từ và với số liệu xác nhận của Kho bạc Nhà nước; Kiểm tra việc thực hiện các kiến nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền qua công tác kiểm tra, kiểm toán, thanh tra, xét duyệt hoặc thẩm định quyết toán.

+ *Đối với đơn vị thẩm định quyết toán:*

Kiểm tra danh mục báo cáo quyết toán và danh mục báo cáo tài chính, thông báo xét duyệt quyết toán theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 3 và khoản 3 Điều 6 Thông tư này; trường hợp chưa đầy đủ thì đề nghị đơn vị được thẩm định gửi bổ sung;

Kiểm tra tính đầy đủ và khớp đúng giữa các số liệu quyết toán (theo điểm b, khoản 1 Điều 7 theo Thông tư số 137/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính);

Kiểm tra số liệu tăng, giảm quyết toán so với dự toán ngân sách được cơ quan có thẩm quyền giao (theo điểm c, khoản 1 Điều 7 theo Thông tư số 137/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính);

Kiểm tra việc thực hiện các kiến nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền qua công tác kiểm tra, kiểm toán, thanh tra, thẩm định quyết toán năm;

Nhận xét về quyết toán năm theo kết quả thẩm định quyết toán.

4. Bước 4: Thông báo kết quả thẩm định, xét duyệt quyết toán

+ *Đơn vị dự toán cấp trên của đơn vị sử dụng ngân sách:* Thông báo kết quả xét duyệt quyết toán năm đối với các đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 137/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính;

+ *Đơn vị dự toán cấp I:* Thông báo kết quả xét duyệt quyết toán năm đối với các đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 137/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính;

Riêng đối với quyết toán của các đơn vị dự toán cấp dưới đã được đơn vị dự toán cấp trên trực thuộc xét duyệt, đơn vị dự toán cấp I thẩm định theo quy

		định tại Điều 7 Thông tư số 137/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính; + <i>Cơ quan tài chính các cấp:</i> <i>Đối với quyết toán của các đơn vị dự toán cấp I cùng cấp:</i> Cơ quan tài chính thông báo kết quả thẩm định quyết toán năm theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 137/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính. Trường hợp đơn vị dự toán cấp I đồng thời là đơn vị sử dụng ngân sách, cơ quan tài chính thực hiện xét duyệt và thông báo kết quả xét duyệt quyết toán năm theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 137/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính; <i>Đối với quyết toán ngân sách cấp huyện, xã:</i> Cơ quan tài chính cấp trên thông báo kết quả thẩm định, tổng hợp quyết toán năm đối với quyết toán ngân sách cấp dưới trực thuộc theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 137/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính;
5	Cách thức thực hiện	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện và gửi qua hệ thống quản lý văn bản điều hành.
6	Thành phần, số lượng hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ: Báo cáo quyết toán năm, báo cáo tài chính năm. b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
7	Thời hạn giải quyết	a) Thời hạn phê chuẩn quyết toán ngân sách cấp xã: Trước ngày 30 tháng 6 của năm sau; b) Thời hạn phê chuẩn quyết toán ngân sách cấp huyện: Trước ngày 15 tháng 7 của năm sau;
8	Đối tượng thực hiện	UBND các cấp; Cơ quan tài chính các cấp; Đơn vị dự toán cấp I.
9	Cơ quan trực tiếp thực hiện	Cơ quan tài chính các cấp.
10	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Cơ quan tài chính các cấp.
11	Kết quả thực hiện	Thông báo thẩm định quyết toán, Thông báo xét duyệt quyết toán.
12	Phí, lệ phí	Không quy định
13	Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Theo Phụ lục 1, 2 và Phụ lục 3 quy định tại Thông tư số 137/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính;
14	Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Không quy định

